# Phụ lục I.1
# HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)*

*Đơn vị tính: lần*

**Bảng 1. Phường Biên Hòa**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Bùi Hữu Nghĩa | Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh | Đường Nguyễn Tri Phương | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Đường Nguyễn Tri Phương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 8 | Đường Bùi Hữu Nghĩa | Đường Nguyễn Tri Phương | Công an phường Bửu Hòa (cũ) | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Công an phường Bửu Hòa (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 15 | Đường Bùi Hữu Nghĩa | Công an phường Bửu Hòa (cũ) | Đường Nguyễn Thị Tồn | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Công an phường Bửu Hòa (cũ) đến Đường Nguyễn Thị Tồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 22 | Đường Bùi Hữu Nghĩa | Đường Nguyễn Thị Tồn | Đường Huỳnh Mẫn Đạt | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Thị Tồn đến Đường Huỳnh Mẫn Đạt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 29 | Đường Bùi Hữu Nghĩa | Đường Huỳnh Mẫn Đạt | Cầu Rạch Sỏi | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Đường Huỳnh Mẫn Đạt đến Cầu Rạch Sỏi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 36 | Đường Bùi Hữu Nghĩa | Cầu Rạch Sỏi | Cầu Ông Tiếp | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Cầu Rạch Sỏi đến Cầu Ông Tiếp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 43 | Đường Nguyễn Tri Phương | Cầu Ghềnh | Đường Nguyễn Ái Quốc | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Ghềnh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 50 | Đường Nguyễn Văn Lung | Đường Nguyễn Ái Quốc | Mỏ đá Hóa An | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Lung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Mỏ đá Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 57 | Đường Trần Văn Ơn | Đường Bùi Hữu Nghĩa | Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 124) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Chạm tới giữa ranh thửa đất số 9, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tờ BĐĐC số 124 và thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 124) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 64 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh | Cầu Hóa An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đến Cầu Hóa An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 71 | Đường Hoàng Minh Chánh | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Bùi Hữu Nghĩa | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 78 | Đường Hoàng Minh Chánh | Đường Nguyễn Ái Quốc | Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Chánh đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Nghĩa trang Sùng Chính Phước Kiến (dự án đường Hoàng Minh Chánh nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 85 | Đường Huỳnh Mẫn Đạt | Đường Bùi Hữu Nghĩa | Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Mẫn Đạt đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh mỏ đá BBCC cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 92 | Đường Phạm Văn Diêu | Đường Bùi Hữu Nghĩa | Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 99 | Đường Nguyễn Thị Tồn | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Bùi Hữu Nghĩa | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Tồn đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Bùi Hữu Nghĩa có hiện | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 106 | Các tuyến đường tại Cù Lao Tân Vạn (đường D1, D4, D9, N2, N4) | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 107 | Các tuyến đường tại Cù Lao Tân Vạn (các đường còn lại) | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 2. Phường Trấn Biên**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Nguyễn Tri Phương | Cầu Rạch Cát | Cầu Ghềnh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 8 | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 15 | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm | Đường Ngô Thì Nhậm | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Đường Ngô Thì Nhậm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 22 | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường Ngô Thì Nhậm | Đường Võ Trường Toản | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 29 | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường Võ Trường Toản | Ngã ba Gạc Nai | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Võ Trường Toản đến Ngã ba Gạc Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 36 | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Ngã ba Gạc Nai | Giáp ranh phường Tân Triều | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Ngã ba Gạc Nai đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 43 | Đường Nguyễn Đình Chiểu | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường Võ Trường Toản | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 50 | Đường Võ Trường Toản | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Giáp ranh phường Tân Triều | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 57 | Đường Chu Văn An | Đường Nguyễn Đình Chiểu | Hết Văn Miếu Trấn Biên | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Hết Văn Miếu Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 64 | Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) | Đường Chu Văn An | Đường Nguyễn Ái Quốc | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiền cũ) đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 71 | Đường Ngô Thì Nhậm | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Bến đò trạm 1 | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bến đò trạm 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 78 | Đường Cách Mạng Tháng 8 | Ngã ba mũi tàu | Đường Nguyễn Văn Trị | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Ngã ba mũi tàu đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 85 | Đường Cách Mạng Tháng 8 | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Phan Chu Trinh | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 92 | Đường Cách Mạng Tháng 8 | Đường Phan Chu Trinh | Đường Nguyễn Ái Quốc | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 99 | Đường Hồ Văn Đại | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Cách Mạng Tháng 8 | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Đại đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 106 | Đường Huỳnh Văn Lũy | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Nguyễn Ái Quốc | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 113 | Đường Nguyễn Văn Trỗi | Đường Nguyễn Du | Đường Nguyễn Ái Quốc | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 120 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Cầu Hóa An | Hết ranh giới phường Trấn Biên | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Cầu Hóa An đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 127 | Đường 30 tháng 4 | Đường Cách mạng tháng 8 | Ngã năm Biên Hùng | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 134 | Đường 30 tháng 4 | Ngã năm Biên Hùng | Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Hết ranh giới Trung tâm Giao dịch Bưu Chính Viễn Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 141 | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Cách Mạng Tháng 8 | Hết Sở Giáo dục và Đào tạo | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 142 | Đường Nguyễn Văn Trị | Hết Sở Giáo dục và Đào tạo | Đường Phan Chu Trinh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 148 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 149 | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Phan Chu Trinh | Đường Nguyễn Ái Quốc | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 155 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 156 | Đường Phan Đình Phùng | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Cách Mạng Tháng 8 | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 162 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Phùng đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 163 | Đường Hưng Đạo Vương | Đường Phan Đình Phùng | Ngã năm Biên Hùng | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 166 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 169 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 170 | Đường Hưng Đạo Vương | Ngã năm Biên Hùng | Ga Biên Hòa | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 176 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Ngã năm Biên Hùng đến Ga Biên Hòa có hiện trạng là | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 177 | Đường Hoàng Minh Châu | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Cách Mạng Tháng 8 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 180 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 183 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 184 | Đường Phan Chu Trinh | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Cách Mạng Tháng 8 | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 187 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 190 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 191 | Đường Phan Chu Trinh | Đường Cách Mạng Tháng 8 | Đường Phan Đình Phùng | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 192 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 193 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 194 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 195 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 196 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 197 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 198 | Đường Nguyễn Trãi | Đường Cách Mạng | Đường Nguyễn Thị | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tháng 8 | Hiền | | | |
| 199 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 200 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 201 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 202 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 203 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 204 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng 8 đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 205 | Đường Nguyễn Trãi | Đường Nguyễn Thị Hiền | Đường Nguyễn Văn Trị | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 206 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 207 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 208 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 209 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 210 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 211 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Hiền đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 212 | Đường Nguyễn Thị Hiền | Đường Cách Mạng tháng 8 | Đường Nguyễn Trãi | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 213 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 214 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 215 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 216 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 217 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 218 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Hiền đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 219 | Đường Lý Thường Kiệt | Đường Phan Chu Trinh | Đường Nguyễn Trãi | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 220 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 221 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 222 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 223 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 224 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 225 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 226 | Đường Võ Tánh | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Nguyễn Thị Hiền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 227 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 228 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 229 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 230 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 231 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 232 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Tánh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 233 | Đường Quang Trung | Đường Cách Mạng tháng 8 | Đường Phan Chu Trinh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 234 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 235 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 236 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 237 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 238 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 239 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 240 | Đường Quang Trung | Đường Phan Chu Trinh | Đường Lê Thánh Tôn | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 241 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 242 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 243 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 244 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 245 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 246 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Lê Thánh Tôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 247 | Đường Lê Thánh Tôn | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Nguyễn Thị Hiền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 248 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 249 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 250 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 251 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 252 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 253 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trị đến Đường Nguyễn Thị Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 254 | Đường Nguyễn Văn Nghĩa | Đường Phan Chu Trinh | Đường Phan Đình Phùng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 255 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 256 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 257 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 258 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 259 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 260 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Nghĩa đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 261 | Đường Nguyễn Văn Ký | Đường Phan Chu Trinh | Đường Phan Đình Phùng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 262 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 263 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 264 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 265 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 266 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 267 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Phan Đình Phùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 268 | Đường Hà Huy Giáp | Cầu Rạch Cát | Đường Võ Thị Sáu | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 269 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 270 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 271 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 272 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 273 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 274 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 275 | Đường Hà Huy Giáp | Đường Võ Thị Sáu | Ngã năm Biên Hùng | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 276 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 277 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 278 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 279 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 280 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 281 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã năm Biên Hùng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 282 | Đường Nguyễn Thành Đồng | Đường Hà Huy Giáp | Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 283 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 284 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 285 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 286 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 287 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 288 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Đồng đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 217 về bên phải và hết ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 207 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 289 | Đường Nguyễn Thành Phương | Đường Hà Huy Giáp | Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 290 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 291 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 292 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 293 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 294 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 295 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thành Phương đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 207 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 212 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 296 | Đường Võ Thị Sáu | Đường Cách Mạng tháng 8 | Đường Hà Huy Giáp | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 297 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 298 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 299 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 300 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 301 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 302 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Cách Mạng tháng 8 đến Đường Hà Huy Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 303 | Đường Võ Thị Sáu | Đường Hà Huy Giáp | Đường Phạm Văn Thuận | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 304 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 305 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 306 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 307 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 308 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 309 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 310 | Đường Trịnh Hoài Đức | Đường Phan Đình Phùng | Đường 30 tháng 4 | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 311 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 312 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 313 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 314 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 315 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 316 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 317 | Đường Lữ Mành | Đường Cách mạng tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) | Đường Cách mạng tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 318 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách mạng tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 319 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách mạng tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 320 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách mạng tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 321 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách mạng tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 322 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách mạng tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 323 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 (Trường mầm non Thanh Bình) đến Đường Cách mạng tháng 8 (bên hông Chi cục Thuế Biên Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 324 | Đường Lữ Mành | Đường Trần Minh Trí | Giáp đoạn 1 đường | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Lữ Mành | | | |
| 325 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 326 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 327 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 328 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 329 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 330 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lữ Mành đoạn từ Đường Trần Minh Trí đến Giáp đoạn 1 đường Lữ Mành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 331 | Đường Trần Minh Trí | Đường Phan Đình Phùng | Đường 30 tháng 4 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 332 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 333 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 334 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 335 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 336 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 337 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Minh Trí đoạn từ Đường Phan Đình Phùng đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 338 | Đường Phạm Văn Thuận | Đường 30 tháng tư | Hết ranh giới phường Trấn Biên | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 339 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng tư đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 340 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng tư đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 341 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng tư đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 342 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng tư đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 343 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng tư đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 344 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng tư đến Hết ranh giới phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 345 | Đường Đặng Đại Độ | Đường Nguyễn Tri Phương | Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 346 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 347 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 348 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 349 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 350 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 351 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 352 | Đường Đặng Đại Độ | Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) | Đường Đặng Văn Trơn | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 353 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 354 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 355 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 356 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 357 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 358 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đại Độ đoạn từ Hết thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 278, (chiều dài 630m giáp bờ sông) đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 359 | Đường Nguyễn Văn Hoa | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Võ Thị Sáu | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 360 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 361 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 362 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 363 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 364 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 365 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoa đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 366 | Đường Huỳnh Văn Hớn | Đường Võ Thị Sáu | Ranh phường Trấn Biên | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 367 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 368 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 369 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 370 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 371 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 372 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 373 | Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa | Đường Đặng Văn Trơn | Cầu Bửu Hòa | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 374 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 375 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 376 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 377 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 378 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 379 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đoạn từ Đường Đặng Văn Trơn đến Cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 380 | Đường Đỗ Văn Thi | Đường Đặng Đại Độ | Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 381 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 382 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 383 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 384 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 385 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 386 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường Đặng Đại Độ đến Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 387 | Đường Đỗ Văn Thi | Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn | Sông Cái | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 388 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 389 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 390 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 391 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 392 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 393 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ Đường trục Trung tâm thành phố Biên Hòa (cũ) đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 394 | Đường Đặng Văn Trơn | Đường Đỗ Văn Thi | Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 395 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 396 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 397 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 398 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 399 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 400 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường Đỗ Văn Thi đến Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 401 | Đường Đặng Văn Trơn | Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa | Sông Cái | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 402 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 403 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 404 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 405 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 406 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 407 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Văn Trơn đoạn từ Đường nối từ đường Đặng Văn Trơn đến cầu Bửu Hòa đến Sông Cái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 408 | Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) | Đường Trần Quốc Toản | Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 409 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 410 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 411 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 412 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 413 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 414 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 (đường trong KCN Biên Hòa 1, từ đường Trần Quốc Toản đến công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Công ty cổ phần Việt Pháp PROCONCO có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 415 | Đường D10 (khu dân cư D2D | Đường Võ Thị Sáu | Đường N1 khu dân cư D2D | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 416 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 417 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 418 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 419 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 420 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 421 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D10 (khu dân cư D2D đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường N1 khu dân cư D2D có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 422 | Đường D9 (khu dân cư D2D) | Đường Võ Thị Sáu | Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 423 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 424 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 425 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 426 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 427 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 428 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường D9 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Hết ranh thửa đất số 63, tờ BĐĐC số 186 về bên phải và hết ranh thửa đất số 274, tờ BĐĐC số 186 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 429 | Đường N1 (khu dân cư D2D) | Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 | Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 430 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 431 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 432 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 433 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 434 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 435 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N1 (khu dân cư D2D) đoạn từ Đầu thửa số 1169 tờ bản đồ số 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 438, tờ BĐĐC số 205; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 283, tờ BĐĐC số 205 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 436 | Đường Trần Công An | Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) | Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 437 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 438 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 439 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 440 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 441 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 442 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc (giáp hồ Điều Hòa) đến Đường Nguyễn Ái Quốc (Bia tưởng niệm) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 443 | Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) | Cầu An Hảo | Xa Lộ Hà Nội | 1,10 | 1,10 | 1,10 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 444 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa Lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 445 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa Lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 446 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa Lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 447 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa Lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 448 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa Lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 449 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Duyệt (đường 11 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Cầu An Hảo đến Xa Lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 450 | Đường Trần Quốc Toản | Đường Vũ Hồng Phô | Cầu Ông Gia | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 451 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 452 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 453 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 454 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 455 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 456 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Cầu Ông Gia có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 457 | Đường Trần Quốc Toản | Cầu Ông Gia | Đường Lê Văn Duyệt | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 458 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 459 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 460 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 461 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 462 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 463 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Cầu Ông Gia đến Đường Lê Văn Duyệt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 464 | Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) | Đường Lê Văn Duyệt | Xa lộ Hà Nội | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 465 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 466 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 467 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 468 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 469 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 470 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi (đường vào phòng giao dịch - ngân hàng Công Thương chi nhánh Đồng Nai) đoạn từ Đường Lê Văn Duyệt đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 471 | Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) | Đường Trần Quốc Toản | Đường N9 (Khu dân cư An Bình) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 472 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 473 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 474 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 475 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 476 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 477 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toản đến đường N9 - khu dân cư An Bình) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Đường N9 (Khu dân cư An Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 478 | Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) | Đường Trần Quốc Toản | Xa lộ Hà Nội | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 479 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 480 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 481 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 482 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 483 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 484 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đoạn từ Đường Trần Quốc Toản đến Xa lộ | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 485 | Đường Nguyễn Thông | Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) | Đường Vũ Hồng Phô | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 486 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 487 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 488 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 489 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 490 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 491 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thông đoạn từ Đường Hàn Thuyên (đường 4 KCN Biên Hòa 1) đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 492 | Xa lộ Hà Nội | Vòng xoay Tam Hiệp | Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 493 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 494 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 495 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 496 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 497 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 498 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,06 | 1,06 | 1,06 |
| 499 | Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) | Vòng xoay Tam Hiệp | Quốc lộ 51 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 500 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 501 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 502 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 503 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 504 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 505 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 506 | Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 507 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 508 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 509 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 510 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 511 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 512 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường N10 (Khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 513 | Đường N4 | Đường Nguyễn Du | Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 514 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 515 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 516 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 517 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 518 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 519 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường N4 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐĐC số 83 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 83 về bên trái, phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 520 | Đường 10 | Đường Nguyễn Du | Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 521 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 522 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 523 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 524 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 525 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 526 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 10 đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường D5 (khu dân cư Bửu Long) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 527 | Đường Võ Thị Tám | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 528 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 529 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 530 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 531 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 532 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 533 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Tám đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 66; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 66 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 534 | Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 | Đường Huỳnh Văn Lũy | Hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 535 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 337 đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 536 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 537 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 538 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 539 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 540 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hẻm 337 đường Cách Mạng Tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 541 | Đường Vũ Hồng Phô | Xa lộ Hà Nội | Đường Trần Quốc Toản | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 542 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 543 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 544 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 545 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 546 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 547 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 548 | Đường Trần Thị Hoa | Đường Nguyễn Thông | Đường Nguyễn Quốc Toản | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 549 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 550 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 551 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 552 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 553 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 554 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Đường Nguyễn Thông đến Đường Nguyễn Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 555 | Đường ven sông Đồng Nai | Cầu Hóa An | Giáp ranh phường Tân Triều | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 556 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 557 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 558 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 559 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 560 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 561 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Đồng Nai đoạn từ Cầu Hóa An đến Giáp ranh phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 562 | Đường trục trung tâm | Đường Võ Thị Sáu | Đường Đặng Văn Trơn | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 563 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 564 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 565 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 566 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 567 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 568 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục trung tâm đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Đặng Văn Trơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 569 | Đường ven sông Cái | Đường Hà Huy Giáp | Đường Trần Quốc Toản | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 570 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 571 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 572 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 573 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 574 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 575 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ven sông Cái đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 576 | Đường D9 | Đường Võ Thị Sáu | Đường Nguyễn Văn Hoa | 1,03 | 1,03 | 1,03 |
| 577 | Đường Nguyễn Thị Giang | Đường Cách Mạng tháng 8 | Đường Nguyễn Thị Hiền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 578 | Đường Nguyễn Hiền Vương | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Nguyễn Thị Hiền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 3. Phường Tam Hiệp**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Lê A | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Phạm Văn Thuận | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 8 | Đường Dương Tử Giang | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Phan Trung | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Tử Giang đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Phan Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 15 | Đường Lê Thoa | Đường Nguyễn Ái Quốc | Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thoa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Giáp ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 75 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 22 | Đường Phan Trung | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Đồng Khởi | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Trung đoạn từ | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Trung đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 29 | Đường Trương Định (đường 4) | Đường Phan Trung | Đường Đồng Khởi | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định (đường 4) đoạn từ Đường Phan Trung đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 36 | Đường Trương Quyền (đường 3) | Đường Trương Định | Đường Trương Định (ngã 3 trường Nguyễn An Ninh) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã 3 trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã 3 trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã 3 trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã 3 trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã 3 trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Quyền (đường 3) đoạn từ Đường Trương Định đến Đường Trương Định (ngã 3 trường Nguyễn An Ninh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 43 | Đường Võ Cương | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Trương Quyền (đường 3) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Cương đoạn từ | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Cương đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Quyền (đường 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 50 | Đường Nguyễn Bá Học | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Trương Định | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bá Học đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 57 | Đường Dương Bạch Mai | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Đồng Khởi | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 64 | Đường Phạm Văn Khoai | Đường Đồng Khởi | Đường vành đai sân vận động | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Khoai đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 71 | Đường Nguyễn Văn A | Đường Đồng Khởi | Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn A đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh thửa đất số 418, tờ BĐĐC số 114 về bên phải và hết ranh thửa đất số 465, tờ BĐĐC số 114 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 78 | Đường Bùi Văn Bình | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường ray tàu hỏa | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường ray tàu hỏa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 85 | Đường liên khu phố 6, 7, 8 | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Lý Văn Sâm | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 6, 7, 8 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 92 | Đường Lưu Văn Viết | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Nguyễn Ái Quốc | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lưu Văn Viết đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 99 | Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 | Đường Phạm Văn Thuận | Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu phố 4 và khu phố 6 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 125, tờ BĐĐC số 60; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 336, tờ BĐĐC số 60 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 106 | Đường Tân Lập | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Lý Văn Sâm | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Lập đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 113 | Đường Đa Minh | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Nguyễn Bảo Đức | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Minh đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 120 | Hẻm số 279 đường Đồng Khởi | Đường Đồng Khởi | Đường liên khu phố 6, 7, 8 | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hẻm số 279 đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường liên khu phố 6, 7, 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 127 | Đường Lý Văn Sâm | Đường Đồng Khởi | Đường Nguyễn Bảo Đức | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 134 | Đường Nguyễn Bảo Đức | Đường Đồng Khởi | Đường Đoàn Văn Cự | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 141 | Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) | Đường Lý Văn Sâm | Hết quán cà phê Xá Xị | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Hết quán cà phê Xá Xị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Hết quán cà phê Xá Xị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Hết quán cà phê Xá Xị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Hết quán cà phê Xá Xị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Hết quán cà phê Xá Xị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Lý Văn Sâm qua đường Nguyễn Bảo Đức đến hết quán cà phê Xá | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Xị (hẻm số 4 đường Lý Văn Sâm, phường Tam Hiệp) đoạn từ Đường Lý Văn Sâm đến Hết quán cà phê Xá Xị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 148 | Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) | Đường Đặng Đức Thuật | Nhà thờ Xuân Hòa | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức, đường Lý Văn Sâm đến đường nối từ đường Đồng Khởi đến đường liên khu phố 6, 7, 8 (hẻm số 30 đường Đặng Đức Thuật) đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Nhà thờ | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 155 | Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm | Đường Đặng Đức Thuật | Đường Lý Văn Sâm | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật qua đường Nguyễn Bảo Đức đến đường Lý Văn Sâm đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Lý Văn Sâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 162 | Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức | Đường Đặng Đức Thuật | Đường Nguyễn Bảo Đức | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Đặng Đức Thuật đến đường Nguyễn Bảo Đức đoạn từ Đường Đặng Đức Thuật đến Đường Nguyễn Bảo Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 169 | Đường Đặng Đức Thuật | Đường Đồng Khởi | Đường Đoàn Văn Cự | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đặng Đức Thuật đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 176 | Đường Đoàn Văn Cự | Đường Phạm Văn Thuận | Đến hết Công ty VMEP | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 177 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đến hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đến hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đến hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 180 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đến hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đến hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đến hết Công ty VMEP có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 183 | Đường Đoàn Văn Cự | Đến hết Công ty VMEP | Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 184 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đến hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đến hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đến hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 187 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đến hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đến hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đến hết Công ty VMEP đến Đến ranh Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 190 | Đường Dã Tượng | Xa Lộ Hà Nội | Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 191 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 192 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 193 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 194 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 195 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 196 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dã Tượng đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 162; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 162 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 197 | Đường Hồ Văn Leo | Xa Lộ Hà Nội | Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 198 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 199 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 200 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 201 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 202 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 203 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Leo đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 169 về bên phải và hết ranh thửa đất số 212, tờ BĐĐC số 169 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 204 | Đường Hồ Văn Thể | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Hồ Văn Leo | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 205 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 206 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 207 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 208 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 209 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 210 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Thể đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Hồ Văn Leo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 211 | Đường Phạm Văn Thuận | Xa Lộ Hà Nội | Đường 30 tháng 4 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 212 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 213 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 214 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 215 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 216 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 217 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 218 | Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai | Xa lộ Hà Nội | Hết trường Đinh Tiên Hoàng | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 219 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 220 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 221 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 222 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 223 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 224 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết trường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 225 | Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai | Hết trường Đinh Tiên Hoàng | Sân vận động Đồng Nai | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 226 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 227 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 228 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 229 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 230 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 231 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Xa lộ Hà Nội đến Sân vận động Đồng Nai đoạn từ Hết trường Đinh Tiên Hoàng đến Sân vận động Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 232 | Đường Phạm Thị Nghĩa | Xa lộ Hà Nội | Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 233 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 234 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 235 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 236 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 237 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 238 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thị Nghĩa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 120 về bên phải và hết ranh thửa đất số 244, tờ BĐĐC số 120 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 239 | Đường Vũ Hồng Phô | Xa Lộ Hà Nội | Đường Trần Quốc Toản | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 240 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 241 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 242 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 243 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 244 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 245 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Xa Lộ Hà Nội đến Đường Trần Quốc Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 246 | Đường Trần Quốc Toản | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Vũ Hồng Phô | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 247 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 248 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 249 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 250 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 251 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 252 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 253 | Đường Trần Quốc Toản | Đường Vũ Hồng Phô | Giáp ranh phường Trấn Biên | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 254 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 255 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 256 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 257 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 258 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 259 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 260 | Xa lộ Hà Nội | Cầu Sập | Vòng xoay Tam Hiệp | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 261 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 262 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 263 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 264 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 265 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 266 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 267 | Xa lộ Hà Nội | Vòng xoay Tam | Giáp ranh phường Trấn | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Hiệp | Biên | | | |
| 268 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 269 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 270 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 271 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 272 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 273 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng xoay Tam Hiệp đến Giáp ranh phường Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 274 | Đường Huỳnh Văn Hớn | Giáp ranh phường Trấn Biên | Đường Phạm Văn Thuận | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 275 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 276 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 277 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 278 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Phạm | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 279 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 280 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Hớn đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Phạm Văn Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 281 | Đường Trần Thị Hoa | Giáp ranh phường Trấn Biên | Đường Vũ Hồng Phô | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 282 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 283 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 284 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 285 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 286 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 287 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Hoa đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Vũ Hồng Phô có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 288 | Đường Trạm thuế khu vực 2 | Đường Phạm Văn Thuận | Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hiệp | | | |
| 289 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 290 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 291 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 292 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 293 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 294 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trạm thuế khu vực 2 đoạn từ Đường Phạm Văn Thuận đến Hết ranh thửa đất số 1, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 31 về bên trái, phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 295 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Giáp ranh phường Trấn Biên | Ngã 4 Tân Phong | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 296 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã 4 Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 297 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã 4 Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 298 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã 4 Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 299 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã 4 Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 300 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã 4 Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 301 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã 4 Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 302 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Ngã 4 Tân Phong | Giáp ranh phường Long Bình | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 303 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã 4 Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 304 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã 4 Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 305 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã 4 Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 306 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã 4 Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 307 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã 4 Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 308 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã 4 Tân Phong đến Giáp ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 309 | Đường Bùi Văn Hòa | Xa lộ Hà Nội | Hết ranh phường Tam Hiệp | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 310 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 311 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 312 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 313 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 314 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 315 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh phường Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 316 | Đường Đồng Khởi | Xa lộ Hà Nội | Đường Phạm Văn Khoai | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 317 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 318 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 319 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 320 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 321 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 322 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường Phạm Văn Khoai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 323 | Đường Đồng Khởi | Đường Phạm Văn Khoai | Đường Nguyễn Ái Quốc | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 324 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 325 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 326 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 327 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 328 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 329 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Phạm Văn Khoai đến Đường Nguyễn Ái Quốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 330 | Đường Lê Quý Đôn | Đường Đồng Khởi | Đường vành đai sân vận động | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 331 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 332 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 333 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 334 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 335 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 336 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường vành đai sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 4. Phường Long Bình**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Nguyễn Trường Tộ | Quốc lộ 1 | Đường Hoàng Văn Bổn | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 8 | Đường Hoàng Bá Bích | Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) | Đến đường Hoàng Tam Kỳ | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Bá Bích đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đến đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 15 | Đường Thân Nhân Trung | Đường Nguyễn Ái Quốc | Suối Săn Máu | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 22 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: | Ranh phường Long Bình | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | hẻm chợ nhỏ khu phố 4) | | | | |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Công viên 30 tháng 4 (bên phải: hẻm Đền Thánh Hiếu; bên trái: hẻm chợ nhỏ khu phố 4) đến Ranh phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 29 | Đường Hoàng Văn Bổn | Quốc lộ 1 | Đường Nguyễn Trường Tộ | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 36 | Đường Hoàng Văn Bổn | Đường Nguyễn Trường Tộ | Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 43 | Đường Hoàng Văn Bổn | Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân | Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 50 | Quốc lộ 1 | Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) | Ranh giới phường Hố Nai | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Ranh giới phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 57 | Đường Võ Văn Mén | Xa lộ Hà Nội | Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Mén đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 64 | Đường Ngô Sĩ Liên | Quốc lộ 1 | Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 267 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 71 | Đường xóm 8 | Xa lộ Hà Nội | Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm 8 đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 78 | Đường Lê Đại Hành | Đường Nguyễn Ái Quốc | Xa lộ Hà Nội | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Xa lộ Hà Nội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 85 | Đường Tô Hiến Thành | Xa lộ Hà Nội | Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 170, tờ BĐĐC số 210 về bên phải và hết ranh thửa đất số 547, tờ BĐĐC số 210 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 92 | Xa lộ Hà Nội | Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) | Cầu Sập | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Đường bên hông giáo xứ Hà Nội (bên phải); đường chợ nhỏ khu phố 4 (bên trái) đến Cầu Sập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 99 | Xa lộ Hà Nội | Cầu Sập | Vòng xoay Tam Hiệp | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Cầu Sập đến Vòng xoay Tam Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 99 | Đường Điểu Xiển | Xa lộ Hà Nội | Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 106 | Đường Yết Kiêu | Xa lộ Hà Nội | Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Hết ranh thửa đất số 86, tờ BĐĐC số 76 về bên phải và hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐĐC số 6 về bên trái, phường Long Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 113 | Đường Yết Kiêu | Xa lộ Hà Nội | Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Yết Kiêu đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 120 | Đường Lê Nguyên Đạt | Xa lộ Hà Nội | Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Nguyên Đạt đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đường liên khu 3, 4, 5 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 127 | Đường liên khu 3, 4, 5 | Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) | Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên khu 3, 4, 5 đoạn từ Đường Lê Nguyên Đạt Chạm tới ranh thửa đất số 34, tờ BĐĐC số 108 (phường Long Bình) đến Hết thửa 12 tờ 90 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 134 | Đường Hoàng Tam Kỳ | Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) | Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình). | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐĐC số 134; Bên trái, hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐĐC số 134 (phường Long Bình) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 141 | Đường Huỳnh Dân Sanh | Đường Hoàng Bá Bích | Đường Hoàng Bá Bích | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Dân Sanh đoạn từ Đường Hoàng Bá Bích đến Đường Hoàng Bá Bích có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 148 | Đường Phan Đăng Lưu | Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) | Ranh giới phường Phước Tân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 155 | Đường Bùi Văn Hòa | Xa lộ Hà Nội | Quốc lộ 51 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 162 | Đường vào khu tái định cư Tân Biên | Đường Hoàng Văn Bổn | Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Tân Biên đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 217 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 169 | Đường vào nhà máy nước Thiện Tân | Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) | Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà máy nước Thiện Tân đoạn từ Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bổn đi vào hết ranh khu tái định cư Tân Biên) đến Hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 215 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 215 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 5. Phường Trảng Dài**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Ngã tư Tân Phong | Hết ranh phường Trảng Dài | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Ngã tư Tân Phong đến Hết ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 8 | Đường Đồng Khởi | Đường Nguyễn Ái Quốc | Cầu Đồng Khởi | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 15 | Đường Đồng Khởi | Cầu Đồng Khởi | Đường Nguyễn Văn Tiên | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 22 | Đường Đồng Khởi | Đường Nguyễn Văn Tiên | Đường vào công ty Trấn Biên | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 29 | Đường Đồng Khởi | Đường vào công ty Trấn Biên | Đường tỉnh 768 | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 36 | Đường Nguyễn Thái Học | Đường Nguyễn Khuyến | Đường Thân Nhân Trung | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 43 | Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) | Ngã ba đi Văn phòng KP4 phường Trảng Dài | Đường Thân Nhân Trung | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ ngã ba đi Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Thân Nhân Trung (ngã ba Thanh Hóa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 50 | Đường tỉnh 768B | Đường Đồng Khởi | Đường Nguyễn Khuyến | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 57 | Đường tỉnh 768B | Đường Nguyễn Khuyến | Đường Thân Nhân Trung | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Nguyễn Khuyến đến Đường Thân Nhân Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 64 | Đường tỉnh 768B | Đường Thân Nhân Trung | Đường Hoàng Văn Bổn | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768B đoạn từ Đường Thân Nhân Trung đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 71 | Đường Bùi Trọng Nghĩa | Đường Đồng Khởi | Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Trọng Nghĩa đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Ngã 3 cây xăng khu phố 3 - phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 78 | Đường Bùi Trọng Nghĩa | Ngã ba cây xăng khu phố 3 | Đường Nguyễn Khuyến | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Trọng Nghĩa đoạn từ Ngã ba cây xăng khu phố 3 đến Đường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 85 | Đường Trần Văn Xã | Đường Bùi Trọng Nghĩa | Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Xã đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 92 | Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học | Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) | Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái hết ranh thửa đất số 241, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Trần Văn Xã (từ đường Bùi Trọng Nghĩa đến đường D2 - Khu dân cư Phú Gia 2) đến Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 99 | Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học | Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài | Đường Nguyễn Thái Học | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối tiếp từ đường Trần Văn Xã qua Văn phòng KP4 phường Trảng Dài đến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Bên trái hết ranh thửa đất số 241, tờ BĐĐC số 42; bên phải: hết ranh thửa đất số 262, tờ BĐĐC số 42 phường Trảng Dài đến Đường Nguyễn Thái Học có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 106 | Đường Thân Nhân Trung | Đường tỉnh 768B | Suối Săn Máu | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thân Nhân Trung đoạn từ Đường tỉnh 768B đến Suối Săn Máu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 113 | Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu | Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đến đường Trần Văn Trà) | Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) | | | | |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Trong phạm vi bán kính 200 mét khu vực ngã tư Phú Thọ và chợ nhỏ Trảng Dài (giáp đường Trần Văn Xã) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 120 | Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) | Đoạn còn lại | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Phúc Chu (từ cầu Săn Máu đến đường Trần Văn Trà) Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 127 | Đường Nguyễn Khuyến | Đường Nguyễn Phúc Chu | Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Nguyễn Phúc Chu đến Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 134 | Đường Nguyễn Khuyến | Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) | Đường Bùi Trọng Nghĩa | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Trần Văn Xã (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến Đường Bùi Trọng Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 141 | Đường Nguyễn Khuyến | Đường Bùi Trọng Nghĩa | Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường Bùi Trọng Nghĩa đến Giáp ranh xã Thiện Tân (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 148 | Đường Hoàng Văn Bổn | Giáp phường Hố Nai và phường Trảng Dài | Đường Đoàn Văn Cự | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Hố Nai và phường Trảng Dài đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Hố Nai và phường Trảng Dài đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Hố Nai và phường Trảng Dài đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Hố Nai và phường Trảng Dài đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Hố Nai và phường Trảng Dài đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp phường Hố Nai và phường Trảng Dài đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 155 | Đường Đoàn Văn Cự | Đường Hoàng Văn Bổn | Đường tỉnh 768 | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Văn Cự đoạn từ Đường Hoàng Văn Bổn đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 162 | Đường Kỳ Lân | Đường Đoàn Văn Cự | Đường Sở Quýt | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kỳ Lân đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Đường Sở Quýt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 169 | Đường Sở Quýt | Đường tỉnh 768 | Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tính từ Đường tỉnh 768 đi vào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 176 | Đường Sở Quýt | Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào | Đường Kỳ Lân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 177 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 180 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Mép ngoài đường điện 220KV đầu tiên, tính từ Đường tỉnh 768 đi vào đến Đường Kỳ Lân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 183 | Đường Sở Quýt | Đường Kỳ Lân | Giáp ranh xã Phường Hồ Nai | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 184 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh xã Phường Hồ Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh xã Phường Hồ Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh xã Phường Hồ Nai có hiện trạng là đường nhựa, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 187 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh xã Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh xã Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sở Quýt đoạn từ Đường Kỳ Lân đến Giáp ranh xã Phường Hố Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 190 | Đường tỉnh 768 | Giáp ranh phường Tân Triều | Cầu Ông Hường | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 191 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 192 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 193 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 194 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 195 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 196 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Tân Triều đến Cầu Ông Hường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 197 | Đường tỉnh 768 | Cầu Ông Hường | Đường Đoàn Văn Cự | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 198 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 199 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 200 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 201 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 202 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 203 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Cầu Ông Hường đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 204 | Đường tỉnh 768 | Đường Đoàn Văn Cự | Giáp ranh xã tân An | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 205 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 206 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 207 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 208 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 209 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 210 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường Đoàn Văn Cự đến Giáp ranh xã tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 211 | Đường Bưng Mua | Đường tỉnh 768 | Suối Bà Ba | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 212 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 213 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 214 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 215 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 216 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 217 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Suối Bà Ba có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 218 | Đường Bưng Mua | Suối Bà Ba | Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 219 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 220 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 221 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 222 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 223 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 224 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Mua đoạn từ Suối Bà Ba đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 100, BĐĐC. Bên trái: hết ranh thửa đất số 197, tờ bản đồ số 100, BĐĐC có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 225 | Đường Tân Hiền | Đường tỉnh 768 | Giáp ranh phường Tân triều | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 226 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 227 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 228 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 229 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 230 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 231 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Tân triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 232 | Đường Bùng Binh | Đường tỉnh 768 | Đường Đoàn Văn Cự | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 233 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 234 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 235 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 236 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 237 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 238 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùng Binh đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 239 | Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) | Đường tỉnh 768 | Đường Đoàn Văn Cự | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 240 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 241 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 242 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 243 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 244 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 245 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Gò (xã Thiện Tân cũ) đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Đoàn Văn Cự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 246 | Đường Ông Thanh | Đường Bùng Binh | Đường Xóm Gò | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 247 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 248 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 249 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 250 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 251 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 252 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ông Thanh đoạn từ Đường Bùng Binh đến Đường Xóm Gò có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 253 | Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài | Đường tỉnh 768 | Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 254 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 255 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 256 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 257 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 258 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 259 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 260 | Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài | Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) | Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 261 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 262 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 263 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 264 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 265 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 266 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 6. Phường Hố Nai**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Điểu Xiển | Ranh phường Hố Nai | Đường Bắc Sơn - Long Thành | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển đoạn từ Ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 8 | Đường Nguyễn Trường Tộ | Quốc lộ 1 | Đường Hoàng Văn Bổn | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hoàng Văn Bổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 15 | Đường Hoàng Văn Bổn | Đường Nguyễn Trường Tộ | Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đường Nguyễn Trường Tộ đến Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 22 | Đường Hoàng Văn Bổn | Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân | Giáp ranh phường Trảng Dài | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Giáp ranh Nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 29 | Đường Ngô Sĩ Liên | Quốc lộ 1 | Đường Điểu Xiển | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Sĩ | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Liên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 36 | Quốc lộ 1 | Nguyễn Trường Tộ | Đường Phùng Khắc Khoan | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Đường Phùng Khắc Khoan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 43 | Quốc lộ 1 | Đường Phùng Khắc Khoan | Hết chợ Thái Bình | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Phùng Khắc Khoan đến Hết chợ Thái Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 50 | Quốc lộ 1 | Hết chợ Thái Bình | Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chợ Thái Bình đến Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 57 | Quốc lộ 1 | Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) | Giáp ranh xã Bình Minh | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh huyện Trảng Bom (cũ) đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 64 | Đường Phùng Khắc Khoan | Quốc lộ 1 | Đường Điểu Xiển | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Khắc Khoan đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Điểu Xiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 71 | Đường Lê Ngô Cát | Quốc lộ 1 | Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 78 | Đường Lê Ngô Cát | Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ | Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Đường vào Trường THPT Nguyễn Công Trứ đến Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 85 | Đường Lê Ngô Cát | Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm | Đường Đông Hải - Lộ Đức | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Ngô Cát đoạn từ Hết Dòng nữ trợ thế Thánh Tâm đến Đường Đông Hải - Lộ Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 92 | Đường Ngô Xá | Quốc lộ 1 | Đường sắt | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Xá đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 99 | Đường bên hông giáo xứ Sài Quất | Quốc lộ 1 | Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108 | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bên hông giáo xứ Sài Quất đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 722, tờ BĐĐC số 108 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 106 | Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) | Quốc lộ 1 | Đường sắt | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến chống ùn tắc giao thông (đường vào Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 113 | Đường Thái Hòa 4 | Quốc lộ 1 | Đường sắt | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 120 | Đường Đông Hải - Lộ Đức | Công ty Phương Sinh | Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Công ty Phương Sinh đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Công ty Phương Sinh đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Công ty Phương Sinh đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Công ty Phương Sinh đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Công ty Phương Sinh đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Công ty Phương Sinh đến Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 127 | Đường Đông Hải - Lộ Đức | Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh | Nhà thờ Lai Ổn | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Nhà thờ Lai Ổn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 134 | Đường Đông Hải - Lộ Đức | Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh | Giáo xứ Đông Vinh | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Giáo xứ Đông Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Giáo xứ Đông Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Giáo xứ Đông Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Giáo xứ Đông Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Giáo xứ Đông Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Hải - Lộ Đức đoạn từ Đường vào Trường THCS Lê Đình Chinh đến Giáo xứ Đông Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 141 | Ngũ Phúc 1 | Quốc lộ 1 | Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 148 | Ngũ Phúc 2 | Quốc lộ 1 | Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ngũ Phúc 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 144 tờ BĐĐC số 103; | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 103 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 155 | Đường vào đập Thanh Niên | Quốc lộ 1 | Hết mét thứ 200 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 162 | Đường vào đập Thanh Niên | Hết mét thứ 200 | Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đập Thanh Niên đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 97 tờ BĐĐC số 101; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 10, tờ BĐĐC số 101 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 169 | Đường Trung Đông | Đường Đông Hải - Lộ Đức | Giáp ranh phường Trảng Dài | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 176 | Đường Xóm Chùa | Quốc lộ 1 | Hết mét thứ 200 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 177 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 180 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 183 | Đường Xóm Chùa | Hết mét thứ 200 | Thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 184 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 187 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Chùa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 82, tờ BĐĐC số 69 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 190 | Đường Trung Tâm | Quốc lộ 1 | Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 191 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 192 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 193 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 194 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 195 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 196 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tâm đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 197 | Đường Trung tâm | Thửa đất số 137, | Đường Trung Đông | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tờ BĐĐC số 98 | | | | |
| 198 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 199 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 200 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 201 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 202 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 203 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm đoạn từ Thửa đất số 137, Tờ BĐĐC số 98 đến Đường Trung Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 204 | Đường Thái Hòa 6 | Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 70) | Hết mét thứ 300 | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 205 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 70) đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 206 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 70) đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 207 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 70) đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 208 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 70) đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 209 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 70) đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 210 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Đường Trung Tâm (Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 70) đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 211 | Đường Thái Hòa 6 | Hết mét thứ 300 | Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 212 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 213 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 214 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 215 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 216 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 217 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 6 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường Trung Tâm (thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 105) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 218 | Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng | Quốc lộ 1 | Bên phải, Hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 47, tờ | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | BĐĐC số 71 | | | |
| 219 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, Hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 220 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, Hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 221 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, Hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 222 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, Hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 223 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, Hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 224 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, Hết ranh thửa đất số 159 tờ BĐĐC số 71; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 225 | Đường Thái Hòa 1 | Quốc lộ 1 | Hết mét thứ 200 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 226 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 227 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 228 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 229 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 230 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 231 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 232 | Đường Thái Hòa 1 | Hết mét thứ 200 | Đường Bắc Sơn - Long Thành | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 233 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 234 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 235 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 236 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 237 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 238 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thái Hòa 1 đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 239 | Đường Thanh Hóa | Quốc lộ 1 | Hết mét thứ 200 | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 240 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 241 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 242 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 243 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 244 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 245 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 246 | Đường Thanh Hóa | Hết mét thứ 200 | Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 247 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 248 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 249 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 250 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 251 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 252 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa đoạn từ Hết mét thứ 200 đến Thửa đất số 109, tờ BĐĐC số 71 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 253 | Đường Thanh Hóa 1 | Quốc lộ 1 | Hết mét thứ 270 | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 254 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 255 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 256 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 257 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 258 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 259 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 270 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 260 | Đường Thanh Hóa 1 | Hết mét thứ 270 | Đường Bắc Sơn - Long Thành | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 261 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 262 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 263 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 264 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 265 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 266 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thanh Hóa 1 đoạn từ Hết mét thứ 270 đến Đường Bắc Sơn - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 267 | Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 | Quốc lộ 1 | Hết mét thứ 300 | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 268 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 269 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 270 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 271 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 272 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 273 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết mét thứ 300 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 274 | Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 | Hết mét thứ 300 | Đường sắt | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 275 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 276 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 277 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 278 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 279 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 280 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường dạy nghề Hố Nai 3 đoạn từ Hết mét thứ 300 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 281 | Đường vào khu công nghiệp Hố Nai | Quốc lộ 1 | Đường sắt | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 282 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 283 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 284 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 285 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 286 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 287 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Hố Nai đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 288 | Đường Bắc Sơn - Long Thành | Quốc lộ 1 | Đường sắt | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 289 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 290 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 291 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 292 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 293 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |
| 294 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,37 | 1,37 | 1,37 |

**Bảng 7. Phường Long Hưng**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xa lộ Hà Nội | Vòng Xoay Tam Hiệp | Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Xa lộ Hà Nội đoạn từ Vòng Xoay Tam Hiệp đến Hết ranh giới tỉnh Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 8 | Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) | Quốc lộ 51 | Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Các đường thuộc khu chợ Long Bình Tân (KP1) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 122, tờ BĐĐC số 35 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 15 | Quốc lộ 51 | Ngã ba Vũng Tàu | Đường Nguyễn Thiện Thuật | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã ba Vũng Tàu đến Đường Nguyễn Thiện Thuật có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 22 | Quốc lộ 51 | Nguyễn Thiện Thuật | Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 29 | Quốc lộ 51 | Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp | Đường Nguyễn Trung Trực | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 36 | Quốc lộ 51 | Đường Nguyễn Trung Trực | Giáp ranh phường Phước Tân | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 43 | Đường Trương Văn Hải | Quốc lộ 51 | Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Hải đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 106 về bên phải và hết ranh thửa đất số 9, tờ BĐĐC số 56 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 50 | Đường Châu Văn Lồng | Quốc lộ 51 | Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Lồng đoạn | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Lồng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 281, tờ BĐĐC số 84; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 144, tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 57 | Đường Nguyễn Văn Tỏ | Quốc lộ 51 | Suối Bà Lúa | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Suối Bà Lúa có hiện trạng là đường | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 64 | Đường Nguyễn Văn Tỏ | Suối Bà Lúa | Đường Ngô Quyền | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tỏ đoạn từ Suối Bà Lúa đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 71 | Đường B5 | Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) | Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B5 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường D12 (Khu dân cư khu phố 2 và 3) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 78 | Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) | Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên | Quốc lộ 51 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đoạn từ Giáp ranh phường Long Bình và | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | phường Trấn Biên đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 85 | Đường Nguyễn Trung Trực | Quốc lộ 51 | Nhà văn hóa ấp 4 | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Quốc lộ 51 đến Nhà văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 92 | Đường Nguyễn Trung Trực | Nhà văn hóa ấp 4 | Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Nhà văn hóa ấp 4 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 150 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 99 | Đường Ngô Quyền | Quốc lộ 51 | Cầu An Hòa | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu An Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 106 | Đường Nguyễn Thiện Thuật | Quốc lộ 51 | Đường Ngô Quyền | 1,17 | 1,17 | 1,17 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiện Thuật đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 113 | Đường Võ Nguyên Giáp | Quốc lộ 51 | Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là mặt đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 120 | Hương lộ 2 | Đường Ngô Quyền | Cầu cây Ngã | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Cầu cây Ngã có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 127 | Hương lộ 2 | Cầu cây Ngã | Cầu Vấp | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu cây Ngã đến Cầu Vấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 134 | Hương lộ 2 | Cầu Vấp | Hết ranh phường Long Hưng | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Cầu Vấp đến Hết ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 141 | Đường Phước Tân - Long Hưng | Ranh phường Long Hưng | Hương Lộ 2 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Ranh phường Long Hưng đến Hương Lộ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Ranh phường Long Hưng đến Hương Lộ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Ranh phường Long Hưng đến Hương Lộ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Ranh phường Long Hưng đến Hương Lộ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Ranh phường Long Hưng đến Hương Lộ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Ranh phường Long Hưng đến Hương Lộ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 8. Phường Tân Triều**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Giáp ranh phường Trấn Biên | Đường Đồng Khởi | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 8 | Đường Đồng Khởi | Đường Nguyễn Ái Quốc | Cầu Đồng Khởi | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 15 | Đường Đồng Khởi | Cầu Đồng Khởi | Đường Nguyễn Văn Tiên | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Cầu Đồng Khởi đến Đường Nguyễn Văn Tiên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 22 | Đường Đồng Khởi | Đường Nguyễn Văn Tiên | Đường vào công ty Trấn Biên | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Văn Tiên đến Đường vào công ty Trấn Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 29 | Đường Đồng Khởi | Đường vào công ty Trấn Biên | Đường tỉnh 768 | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường vào công ty Trấn Biên đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 36 | Đường Nguyễn Văn Tiên | Đường Đồng Khởi | Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Đường Đồng Khởi đến Hết ranh khu dân cư Hốc Bà Thức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 43 | Đường Nguyễn Văn Tiên | Khu dân cư Hốc Bà Thức | Đường ranh tường rào sân bay | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Tiên đoạn từ Khu dân cư Hốc Bà Thức đến Đường ranh tường rào sân bay có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 50 | Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Công An thuộc phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 57 | Đường Lương Văn Nho | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường vào cư xá Tỉnh đội | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường vào cư xá Tỉnh đội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 64 | Đường Lương Văn Nho | Đường vào cư xá Tỉnh đội | Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Văn Nho đoạn từ Đường vào cư xá Tỉnh đội đến Ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 71 | Đường Hồ Hòa | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Lương Văn Nho | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Hòa đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường Lương Văn Nho có hiện | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 78 | Đường Nguyễn Văn Hoài | Đường Nguyễn Ái Quốc | Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều) | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Hoài đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết ranh thửa đất số 5, tờ BĐĐC số 168 về bên phải và hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 160 về bên trái, phường Tân Triều) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 85 | Đường tỉnh 768 | Giáp ranh phường Trấn Biên | Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ranh phường Trần Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trần Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trần Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trần Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Giáp ranh phường Trần Biên đến Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 92 | Đường tỉnh 768 | Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ | Giáp ranh phường Trảng Dài | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 768 đoạn từ Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 99 | Đường vào Phi Trường | Đường tỉnh 768 | Ranh Sân bay Biên Hòa | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Phi Trường đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh Sân bay Biên Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 106 | Đường Cây Quéo ấp 4 | Đường tỉnh 768 | Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Quéo ấp 4 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh thửa đất số 193, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 113 | Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải | Đường tỉnh 768 | Hết khu dân cư Tín Khải | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trục chính vào khu dân cư Tín Khải đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hết khu dân cư Tín Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 120 | Đường 16 | Đường tỉnh 768 | Đường D1 | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 127 | Đường 16 | Đường D1 | Hết đường | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 16 đoạn từ Đường D1 đến Hết đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 134 | Đường 5 - 7 | Đường tỉnh 768 | Bên phải: Hết ranh thửa đất số 947, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều Bên trái: hết ranh thửa đất số 948, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên phải: Hết ranh thửa đất số 947, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều Bên trái: hết ranh thửa đất số 948, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên phải: Hết ranh thửa đất số 947, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều Bên trái: hết ranh thửa đất số 948, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên phải: Hết ranh thửa đất số 947, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều Bên trái: hết ranh thửa đất số 948, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên phải: Hết ranh thửa đất số 947, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều Bên trái: hết ranh thửa đất số 948, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên phải: Hết ranh thửa đất số 947, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều Bên trái: hết ranh thửa đất số 948, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 5 - 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Bên phải: Hết ranh thửa đất số 947, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều Bên trái: hết ranh thửa đất số 948, tờ bản đồ số 25, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 141 | Hương lộ 15 | Đường tỉnh 768 | Ngã 3 Hương lộ 6 | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã 3 Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã 3 Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã 3 Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã 3 Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã 3 Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã 3 Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 148 | Hương lộ 15 | Ngã 3 Hương lộ 6 | Cổng số 10 (ấp 6 cũ) | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã 3 Hương lộ 6 đến Cổng số 10 (ấp 6 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã 3 Hương lộ 6 đến Cổng số 10 (ấp 6 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã 3 Hương lộ 6 đến Cổng số 10 (ấp 6 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã 3 Hương lộ 6 đến Cổng số 10 (ấp 6 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã 3 Hương lộ 6 đến Cổng số 10 (ấp 6 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Ngã 3 Hương lộ 6 đến Cổng số 10 (ấp 6 cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 155 | Hương lộ 15 | Cổng số 10 (ấp 6 cũ) | Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Cổng số 10 (ấp 6 cũ) đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 162 | Hương lộ 15 | Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ | Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 | thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 | | | |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 169 | Hương lộ 15 | Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51) | Hương lộ 7 | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51) đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51) đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51) đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51) đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51) đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51) đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 176 | Hương lộ 15 | Hương lộ 7 | Bến đò Tân Uyên | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 177 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 180 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Hương lộ 7 đến Bến đò Tân Uyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 183 | Đường Bình Hòa - Cây Dương | Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) | Đường Mỹ | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 184 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 187 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Từ trụ sở UBND xã Bình Hòa (cũ) đến Đường Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 190 | Đường Bình Hòa - Cây Dương | Đường Mỹ | Hết Miếu Hàm Hòa | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 191 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 192 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 193 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 194 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 195 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 196 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Đường Mỹ đến Hết Miếu Hàm Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 197 | Đường Bình Hòa - Cây Dương | Hết Miếu Hàm Hòa | Đường tỉnh 768 | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 198 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Hết Miếu Hàm Hòa đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 199 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Hết Miếu Hàm Hòa đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 200 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Hết Miếu Hàm Hòa đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 201 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Hết Miếu Hàm Hòa đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 202 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Hết Miếu Hàm Hòa đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 203 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Cây Dương đoạn từ Hết Miếu Hàm Hòa đến Đường tỉnh 768 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 204 | Đường Mỹ | Đường tỉnh 768 | Đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 205 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 206 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 207 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 208 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 209 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 210 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mỹ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Hòa - Cây Dương (xã Bình Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 211 | Hương lộ 9 | Đường tỉnh 768 | Đến hết Km+200 | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 212 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 213 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 214 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 215 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 216 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 217 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đến hết Km+200 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 218 | Hương lộ 9 | Đến hết Km+200 | Nhà thờ Tân Triều | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 219 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 220 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 221 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 222 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 223 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 224 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Đến hết Km+200 đến Nhà thờ Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 225 | Hương lộ 9 | Nhà thờ Tân Triều | Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 226 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 227 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 228 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 229 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 230 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 231 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 9 đoạn từ Nhà thờ Tân Triều đến Hết Miếu Ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 232 | Đường Thành Đức - Tân Triều | Đường Hương Lộ 9 | Miếu ngói Vĩnh Hiệp | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 233 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương Lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 234 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương Lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 235 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương Lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 236 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương Lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 237 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương Lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 238 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Đức - Tân Triều đoạn từ Đường Hương Lộ 9 đến Miếu ngói Vĩnh Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 239 | Hương lộ 7 | Đường tỉnh 768 | Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 240 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 241 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 242 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 243 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 244 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 245 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 246 | Hương lộ 7 | Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) | Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 247 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 248 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 249 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 250 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 251 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 252 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Đường Bình Lục - Long Phú (gần Đình Bình Thảo) đến Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 253 | Hương lộ 7 | Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) | Hương lộ 15 | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 254 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 255 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 256 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 257 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 258 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 259 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 7 đoạn từ Ranh giới xã Bình Lợi (cũ) đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 260 | Đường Bình Lục - Long Phú | Nga ba Hương lộ 7 | Hương lộ 7 | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 261 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Nga ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 262 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Nga ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 263 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Nga ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 264 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Nga ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 265 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Nga ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 266 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lục - Long Phú đoạn từ Nga ba Hương lộ 7 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 267 | Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ | Đường tỉnh 768 | Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 268 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 269 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 270 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 271 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 272 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 273 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 274 | Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ | Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) | Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 275 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 276 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 277 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 278 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 279 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 280 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) đến Ranh xã Thạnh Phú và Tân Bình cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 281 | Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ | Hương lộ 7 | Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 282 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 283 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 284 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 285 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 286 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 287 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Thạnh Phú - Tân Bình - Bình Lợi cũ đoạn từ Hương lộ 7 đến Ranh xã Tân Bình và Bình Lợi (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 288 | Đường Bến Đôi 2-4 | Giáp Hương Lộ 15 | Bờ sông Đồng Nai | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 289 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương Lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 290 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương Lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 291 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương Lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 292 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương Lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 293 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương Lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 294 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Đôi 2-4 đoạn từ Giáp Hương Lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 295 | Đường Cầu Ốc | Hương lộ 7 | Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 296 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 297 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 298 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 299 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 300 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 301 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Ốc đoạn từ Hương lộ 7 đến Bên phải: hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. Bên trái: hết ranh thửa đất số 147, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 302 | Đường Đất Cát | Hương lộ 15 | Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 303 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 304 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 305 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 306 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 307 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 308 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đất Cát đoạn từ Hương lộ 15 đến Giáp ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 62, BĐĐC phường Tân Triều có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 309 | Đường liên ấp 3 - 4 | Hương lộ 15 | Hương lộ 7 | 1,39 | 1,39 | 1,39 |
| 310 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,39 | 1,39 | 1,39 |
| 311 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,39 | 1,39 | 1,39 |
| 312 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,39 | 1,39 | 1,39 |
| 313 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,39 | 1,39 | 1,39 |
| 314 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,39 | 1,39 | 1,39 |
| 315 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 3 - 4 đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,39 | 1,39 | 1,39 |
| 316 | Đường Long Chiến | Hương lộ 15 | Bờ sông Đồng Nai | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 317 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 318 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 319 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 320 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 321 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 322 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Chiến đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 323 | Đường Xóm Rạch | Hương lộ 15 | Bờ sông Đồng Nai | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 324 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 325 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 326 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 327 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 328 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 329 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Rạch đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 330 | Đường Đa Lộc | Hương lộ 15 | Bờ sông Đồng Nai | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 331 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 332 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 333 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 334 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 335 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 336 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đa Lộc đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 337 | Đường Bàu Tre | Hương lộ 15 | Hương lộ 6 | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 338 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 339 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 340 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 341 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 342 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 343 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Tre đoạn từ Hương lộ 15 đến Hương lộ 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 344 | Hương lộ 6 | Hương lộ 15 | Bờ sông Đồng Nai | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 345 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 346 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 347 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 348 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 349 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 350 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 6 đoạn từ Hương lộ 15 đến Bờ sông Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 351 | Đường Tân Hiền | Đường tỉnh 768 | Giáp ranh phường Trảng Dài | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 352 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 353 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 354 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 355 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 356 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 357 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiền đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh phường Trảng Dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 358 | Đường Lò Thổi | Đường tỉnh 768 | Giáp ranh xã Thạnh Phú cũ | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 359 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Thạnh Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 360 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Thạnh Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 361 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Thạnh Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 362 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Thạnh Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 363 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Thạnh Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 364 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lò Thổi đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Giáp ranh xã Thạnh Phú cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 365 | Đường Chùa Cao Đài | Đường tỉnh 768 | Hương lộ 15 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 366 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 367 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 368 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 369 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 370 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 371 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chùa Cao Đài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Hương lộ 15 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 372 | Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài | Đường tỉnh 768 | Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 373 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 374 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 375 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 376 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 377 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 378 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Đường tỉnh 768 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 379 | Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài | Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) | Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 380 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 381 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 382 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 383 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 384 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 385 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh phường Tân Triều - phường Trảng Dài đoạn từ Ngã ba (hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 19, BĐĐC) đến Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 9. Phường Phước Tân**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Võ Nguyên Giáp | Giáp ranh phường Long Hưng | Đầu cầu số 3 | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Giáp ranh phường Long Hưng đến Đầu cầu số 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,12 | 1,12 | 1,12 |
| 8 | Đường Võ Nguyên Giáp | Đầu cầu số 3 | Đường Chu Mạnh Trinh | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đầu cầu số 3 đến Đường Chu Mạnh Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 15 | Đường Võ Nguyên Giáp | Đường Chu Mạnh Trinh | Hết ranh giới phường Phước Tân | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Chu Mạnh Trinh đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 22 | Đường Đinh Quang Ân | Quốc lộ 51 | Hết Chùa Viên Thông | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết Chùa Viên Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 29 | Đường Đinh Quang Ân | Chùa Viên Thông | Đường Võ Nguyên Giáp | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Chùa Viên Thông đến Đường Võ Nguyên Giáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 36 | Quốc lộ 51 | Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) | Đường Nguyễn Trung Trực | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Bùi Văn Hòa (Quốc lộ 15 nối dài) đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 43 | Quốc lộ 51 | Đường Nguyễn Trung Trực | Cầu Sông Buông | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 50 | Quốc lộ 51 | Cầu Sông Buông | Giáp ranh phường Phước Tân | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Sông Buông đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 57 | Đường Phước Tân - Long Hưng | Quốc lộ 51 | Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Long Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Long Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 64 | Đường Nam Cao | Quốc lộ 51 | Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Cao đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 102 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐĐC số 102 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 71 | Đường Hoàng Đình Cận | Quốc lộ 51 | Hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 78 | Đường Hồ Văn Huê | Quốc lộ 51 | hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Văn Huê đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 95, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 85 | Đường Trương Hán Siêu | Quốc lộ 51 | Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Hán Siêu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 101 về bên phải và hết ranh thửa đất số 112, tờ BĐĐC số 100 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 92 | Đường Thành Thái | Cầu bắc qua Sông Buông | Hết ranh giới phường Phước Tân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái đoạn từ Cầu bắc qua Sông Buông đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 99 | Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng | Quốc lộ 51 | Hết ranh giới phường Phước Tân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 106 | Đường Phước Tân - Giang Điền | Đường Thành Thái | Hết ranh giới phường Phước Tân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Thành Thái đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 113 | Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền | Đường Võ Nguyên Giáp | Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường Võ Nguyên Giáp đến Hết ranh phường Phước Tân, giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 120 | Đường Chu Mạnh Trinh | Đường Đinh Quang Ân | Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Mạnh Trinh đoạn từ Đường Đinh Quang Ân đến Hết ranh thửa đất số 6, tờ BĐĐC số 31 về bên phải và hết ranh thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 32 về bên trái, phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 127 | Đường Bùi Văn Hòa | Quốc lộ 51 | Hết ranh giới phường Phước Tân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Hòa đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh giới phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 134 | Phan Đăng Lưu | Hết ranh phường Long Bình | Giáp suối | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Phan Đăng Lưu đoạn từ Hết ranh phường Long Bình đến Giáp suối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 10. Phường Tam Phước**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Dương Diên Nghệ | Quốc lộ 51 | Hết ranh Phường Tam Phước | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Diên Nghệ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh Phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 8 | Hương lộ 2 | Ranh giới phường Tam Phước | Hết ranh thửa đất số 247, tờ BĐĐC số 105, (phường Tam Phước) | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết ranh thửa đất số 247, tờ BĐĐC số 105, (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết ranh thửa đất số 247, tờ BĐĐC số 105, (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết ranh thửa đất số 247, tờ BĐĐC số 105, (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết ranh thửa đất số 247, tờ BĐĐC số 105, (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết ranh thửa đất số 247, tờ BĐĐC số 105, (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Ranh giới phường Tam Phước đến Hết ranh thửa đất số 247, tờ BĐĐC số 105, (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 15 | Đường Hà Nam | Quốc lộ 51 | Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Nam đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82; Bên trái, hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 22 | Đường Lý Nhân Tông | Quốc lộ 51 | Đường Dương Diên Nghệ | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nhân Tông đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Dương Diên Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 29 | Quốc lộ 51 | Ranh giới phường Phước Tân | Đường Hàm Nghi | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ranh giới phường Phước Tân đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 36 | Quốc lộ 51 | Đường Hàm Nghi | Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 43 | Quốc lộ 51 | Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển | Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 50 | Đường Hàm Nghi | Quốc lộ 51 | Bên phải, hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 45; Bên trái, hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 30 (phường Tam Phước). | 1,08 | 1,08 | 1,08 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 45; Bên trái, hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 30 (phường Tam Phước). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,08 | 1,08 | 1,08 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 45; Bên trái, hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 30 (phường Tam Phước). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,08 | 1,08 | 1,08 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 45; Bên trái, hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 30 (phường Tam Phước). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,08 | 1,08 | 1,08 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 45; Bên trái, hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 30 (phường Tam Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,08 | 1,08 | 1,08 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 45; Bên trái, hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 30 (phường Tam Phước). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,08 | 1,08 | 1,08 |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi đoạn từ Quốc lộ 51 đến Bên phải, hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 45; Bên trái, hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 30 (phường Tam Phước). có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,08 | 1,08 | 1,08 |
| 57 | Đường Nguyễn Khắc Hiếu | Đường Phùng Hưng | Ngã 3 | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Ngã 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 64 | Đường Nguyễn Khắc Hiếu | Ngã 3 | Hẻm số 303 đường Nguyễn Khắc Hiếu tại phường Tam Phước | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã 3 đến Hẻm số 303 đường Nguyễn Khắc Hiếu tại phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã 3 đến Hẻm số 303 đường Nguyễn Khắc Hiếu tại phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã 3 đến Hẻm số 303 đường Nguyễn Khắc Hiếu tại phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã 3 đến Hẻm số 303 đường Nguyễn Khắc Hiếu tại phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã 3 đến Hẻm số 303 đường Nguyễn Khắc Hiếu tại phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khắc Hiếu đoạn từ Ngã 3 đến Hẻm số 303 đường Nguyễn Khắc Hiếu tại phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 71 | Đường Nguyễn Hoàng | Đường Phùng Hưng | Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Phùng Hưng đến Giáp ranh Trường Sĩ quan Lục Quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 78 | Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền | Giáp ranh phường Phước Tân | Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Giáp ranh phường Phước Tân đến Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 85 | Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền | Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền | Giáp ranh xã Trảng Bom | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Vòng Xoay vào khu công nghiệp Giang Điền đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 92 | Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng | Đường vào trường Trung cấp Phật Học | Giáp ranh phường Phước Tân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng đoạn từ Đường vào trường Trung cấp Phật Học đến Giáp ranh phường Phước Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 99 | Đường Phùng Hưng | Quốc lộ 51 | Hết ranh phường Tam Phước | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |

**Bảng 11. Phường Long Thành**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Lê Duẩn | Ranh giới xã Long Thành | Đường Trần Phú | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Ranh giới xã Long Thành đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 8 | Đường Lê Duẩn | Đường Trần Phú | Đường Lý Tự Trọng | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 15 | Đường Lê Duẩn | Đường Lý Tự Trọng | Cầu Quán Thủ | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Cầu Quán Thủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 22 | Đường Lê Duẩn | Cầu Quán Thủ | Mũi tàu | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Cầu Quán Thủ đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 29 | Quốc lộ 51 | Mũi tàu | Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Mũi tàu đến Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 36 | Quốc lộ 51 | Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG | Giáp ranh xã Long Phước | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay đường cao tốc TPHCM-LT-DG đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 43 | Đường Cầu Mên | Đường tỉnh 769 | Hầm chui cao tốc | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hầm chui cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 50 | Đường Cầu Mên | Hầm chui cao tốc | Hết ranh giới xã Long Thành | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Hầm chui cao tốc đến Hết ranh giới xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 57 | Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) | Đường tỉnh 769 | Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh giới sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 64 | Đường Cây Khế - Bưng Môn | Đường Bưng Môn | Đường tỉnh 769 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Khế - Bưng Môn đoạn từ Đường Bưng Môn đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 71 | Đường tỉnh 769 | Quốc lộ 51 | Đường Bưng Môn | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Bưng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 78 | Đường tỉnh 769 | Đường Bưng Môn | Giáp ranh giới xã Bình An | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Bưng Môn đến Giáp ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 85 | Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) | Đường tỉnh 769 | Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cụm công nghiệp Bình Sơn (cũ) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Ngã ba (bên phải đến hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 147; bên trái hết ranh thửa đất số 2, tờ BĐĐC số 146, xã Long Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 92 | Đường Xóm Trầu | Quốc lộ 51 | Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xóm Trầu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 99 | Đường 25B | Quốc lộ 51 | Giáp ranh xã Nhơn Trạch | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25B đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 106 | Đường vào khu khai thác đá xã Long An | Quốc lộ 51 | Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu khai thác đá xã Long An đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh giới Sân bay Quốc tế Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 113 | Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ | Quốc lộ 51 | Đường tỉnh 769 | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bưng Môn qua xã Long An cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 120 | Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ | Đường tỉnh 769 | Giáp ranh xã Bình An | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 127 | Đường Ngô Hà Thành | Đường Trường Chinh | Giáp ranh xã Lộc An cũ | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Hà Thành đoạn từ Đường Trường Chinh đến Giáp ranh xã Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 134 | Đường Trần Nhân Tông | Đường Đinh Bộ Lĩnh | Đường Ngô Hà Thành | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 141 | Đường Võ Thị Sáu | Lê Duẩn | Giáp ranh xã Bình An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 148 | Đường Lê Quang Định | Đường Tôn Đức Thắng | Đường Trường Chinh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 155 | Đường Lê Quang Định | Đường Trường Chinh | Ranh giới xã Bình An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Trường Chinh đến Ranh giới xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 162 | Đường Trường Chinh | Đường Võ Thị Sáu | Mũi tàu | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 169 | Đường Phạm Văn Đồng | Đường Lê Duẩn | Giáp ranh xã Nhơn Trạch | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Giáp ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 176 | Đường Hai Bà Trưng | Đường Lê Duẩn | Quốc lộ 51 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 177 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 180 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 183 | Đường Nguyễn Đình Chiểu | Đường Lê Duẩn | Đường Trường Chinh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 184 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 187 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 190 | Đường Nguyễn An | Đường Hai Bà | Hông Siêu thị Vincom | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Ninh | Trưng | | | | |
| 191 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 192 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 193 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 194 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 195 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 196 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Hông Siêu thị Vincom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 197 | Đường vào nhà thờ Văn Hải | Đường Lê Duẩn | Đường Nguyễn Văn Trị | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 198 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 199 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 200 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 201 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 202 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 203 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào nhà thờ Văn Hải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 204 | Đường Ngô Quyền | Đường Lê Duẩn | Đường Chu Văn An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 205 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 206 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 207 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 208 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 209 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 210 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 211 | Đường Chu Văn An | Giáp ranh xã An Phước | Đường Lê Lai | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 212 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 213 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 214 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 215 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 216 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 217 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã An Phước đến Đường Lê Lai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 218 | Đường Đinh Bộ Lĩnh | Đường Lê Duẩn | Đường Trường Chinh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 219 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 220 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 221 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 222 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 223 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 224 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 225 | Đường Đinh Bộ Lĩnh | Đường Trường Chinh | Đường tỉnh 769 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 226 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 227 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 228 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 229 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 230 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 231 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Bộ Lĩnh đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường tỉnh 769 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 232 | Đường Tạ Uyên | Đường Lê Duẩn | Đường Chu Văn An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 233 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 234 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 235 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 236 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 237 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 238 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 239 | Đường Lý Tự Trọng | Đường Lê Duẩn | Đường Hai Bà Trưng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 240 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 241 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 242 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 243 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 244 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 245 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 246 | Đường Lý Tự Trọng | Đường Hai Bà Trưng | Đường Trường Chinh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 247 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 248 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 249 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 250 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 251 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 252 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 253 | Đường Lý Tự Trọng | Đường Trường Chinh | Đường Lê Quang Định | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 254 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 255 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 256 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 257 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 258 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 259 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Trường Chinh đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 260 | Đường Nguyễn Văn Cừ | Đường Lê Duẩn | Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 261 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 262 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 263 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 264 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 265 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 266 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường vào khu Phước Thuận đến nhà thờ Kim Sơn cách Quốc lộ 51A 1,5 km cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 267 | Đường Hà Huy Giáp | Đường Lê Duẩn | Đường Trần Quang Khải | 1,36 | 1,36 | 1,36 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) | | | |
| 268 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 269 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 270 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 271 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 272 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 273 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trần Quang Khải (đường xưởng cưa Tiền Phong vào đến hết khu dân cư cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 274 | Đường Trần Thượng Xuyên | Đường Lê Duẩn | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 275 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 276 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 277 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 278 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 279 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 280 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 281 | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Nguyễn Đình Chiểu | Đường Võ Thị Sáu | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 282 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 283 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 284 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 285 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 286 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 287 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 288 | Đường Trần Nhân | Đường Đinh Bộ | Đường Ngô Hà Thành | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tông | Lĩnh | | | | |
| 289 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 290 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 291 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 292 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 293 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 294 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Đinh Bộ Lĩnh đến Đường Ngô Hà Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 295 | Đường Tôn Đức Thắng | Đường Hai Bà Trưng | Đường Võ Thị Sáu | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 296 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 297 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 298 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 299 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 300 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 301 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 302 | Đường Hoàng Minh Châu | Đầu đường Trần Quang Khải | Đường Hoàng Tam Kỳ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 303 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 304 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 305 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 306 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 307 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 308 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đầu đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 309 | Đường Hoàng Tam Kỳ | Đường Hoàng Minh Châu | Giáp ranh xã An Phước | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 310 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 311 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 312 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 313 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 314 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 315 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Hoàng Minh Châu đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 316 | Đường Trần Quang Khải | Đường Nguyễn Văn Cừ | Giáp ranh xã An Phước | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 317 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 318 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 319 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 320 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 321 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 322 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Khải đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 323 | Đường Nguyễn Văn Ký | Đường Chu Văn An | Đường Lê Lợi | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 324 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 325 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 326 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 327 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 328 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 329 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Chu Văn An đến Đường Lê Lợi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 330 | Đường Nguyễn Trung Trực | Đường Huỳnh Văn Lũy | Hết tuyến | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 331 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 332 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 333 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 334 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 335 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 336 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Huỳnh Văn Lũy đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 337 | Đường Lê Đại Hành | Đường Nguyễn Văn Cừ | Suối Bến Năng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 338 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 339 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 340 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 341 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 342 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 343 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Bến Năng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 344 | Đường Huỳnh Văn Lũy | Đường Nguyễn Văn Cừ | Đường Trần Quang Khải | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 345 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 346 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 347 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 348 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 349 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 350 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Quang Khải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 351 | Đường Trịnh Văn Dục | Đường Nguyễn Văn Cừ | Hết tuyến | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 352 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 353 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 354 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 355 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 356 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 357 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Văn Dục đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 358 | Đường Trần Văn Trà | Đường Lê Duẩn | Chu Văn An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 359 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 360 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 361 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 362 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 363 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 364 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 365 | Đường Nguyễn Văn Trị | Đường Hà Huy Giáp | Hết tuyến | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 366 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 367 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 368 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 369 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 370 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 371 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 372 | Đường Phan Chu Trinh | Đường Hà Huy Giáp | Đường Huỳnh Văn Lũy | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 373 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 374 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 375 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 376 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 377 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 378 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Hà Huy Giáp đến Đường Huỳnh Văn Lũy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 379 | Đường Phan Bội Châu | Đường Lê Duẩn | Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 380 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 381 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 382 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 383 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 384 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 385 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết tuyến (đoạn trải nhựa, bê tông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 386 | Đường Lý Nam Đế | Đường Lê Duẩn | Đầu hẻm 56 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 387 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 388 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 389 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 390 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 391 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 392 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đầu hẻm 56 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 393 | Đường Trần Quang Diệu | Quốc lộ 51 | Đường Phạm Văn Đồng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 394 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 395 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 396 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 397 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 398 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 399 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phạm Văn Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 400 | Đường Trần Phú | Đường Lê Duẩn | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 401 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 402 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 403 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 404 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 405 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 406 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 407 | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | Đường Tôn Đức Thắng | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 408 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 409 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 410 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 411 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 412 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 413 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 414 | Đường Lê Hồng Phong | Đường Tôn Đức Thắng | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 415 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 416 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 417 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 418 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 419 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 420 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 421 | Đường Trần Quốc Toản | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Nguyễn Văn Trỗi | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 422 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 423 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 424 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 425 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 426 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 427 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quốc Toản đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 428 | Đường Lê Thánh Tôn | Đường Lê Quang Định | Hết tuyến | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 429 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 430 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 431 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 432 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 433 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 434 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Thánh Tôn đoạn từ Đường Lê Quang Định đến Hết tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 435 | Đường Lê Lai | Đường Tạ Uyên | Đường Chu Văn An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 436 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 437 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 438 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 439 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 440 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 441 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Tạ Uyên đến Đường Chu Văn An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 442 | Đường Lý Thái Tổ | Đường Lê Duẩn | Đường Tôn Đức Thắng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 443 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 444 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 445 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 446 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 447 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 448 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 449 | Đường Võ Văn Tần | Đường Lê Duẩn | Đường Tôn Đức Thắng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 450 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 451 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 452 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 453 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 454 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 455 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 456 | Đường liên xã An Phước - Long Thành | Đường Trần Quang Khải | Đường Hoàng Tam Kỳ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 457 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 458 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 459 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 460 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 461 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 462 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Long Thành đoạn từ Đường Trần Quang Khải đến Đường Hoàng Tam Kỳ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 463 | Đường Nguyễn Hải | Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 | Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 464 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 465 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 466 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 467 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 468 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 469 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 585, tờ BĐĐC số 15 đến Hết thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 17 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 12. Xã Bình An**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quốc lộ 51 | Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển | Mũi tàu | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 8 | Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) | Mũi tàu | Giáp ranh xã Long Thành | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 15 | Trường Trinh (Quốc lộ 51B cũ) | Mũi tàu | Đường Võ Thị Sáu | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trường Trinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trường Trinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Trường Trinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trường Trinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trường Trinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Trường Trinh (Quốc lộ 51B cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 22 | Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ Sân bóng khu 15 đến hết đoạn đường Ráp thuộc xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 29 | Đường Vũ Hồng Phô | Đường Lê Duẩn | Đường Trường Trinh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trường Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 36 | Đường Trần Văn Ơn | Đường Lê Duẩn | Đường Tôn Đức Thắng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 43 | Đường Võ Thị Sáu | Đường Lê Duẩn | Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường liên xã Long Đức - Lộc An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 50 | Đường Tôn Đức Thắng | Đường Vũ Hồng Phô | Đường Võ Thị Sáu | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng đoạn từ Đường Vũ Hồng Phô đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 57 | Đường liên xã Bình An - Long Thành | Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành | Đường Lê Quang Định | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Quốc lộ 51 qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 64 | Đường liên xã Bình An - Long Thành | Nhà máy mủ cao su Long Thành | Giáp ranh xã Long Thành | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bình An - Long Thành đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 71 | Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) | Đường tỉnh 769 | Giáp Cầu Mên | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên (từ đường tỉnh 769 qua Cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu giây đến giáp Cầu Mên) đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Giáp Cầu Mên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 78 | Đường tỉnh 769 | Ranh xã Long Thành - Bình An | Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh xã Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh xã Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh xã Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh xã Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh xã Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Ranh xã Long Thành - Bình An đến Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 85 | Đường tỉnh 769 | Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre | Cầu An Viễn | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đến Cầu An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 92 | Đường tỉnh 769 | Cầu An Viễn | Giáp nông trường cao su An Viễng | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Cầu An Viễn đến Giáp nông trường cao su An Viễng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 99 | Đường tỉnh 769 | Nông trường cao su An Viễng | Cầu Cái Hảo | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 769 đoạn từ Nông trường cao su An Viễng đến Cầu Cái Hảo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 106 | Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An | Cầu Suối Sâu | Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Bình An đoạn từ Cầu Suối Sâu đến Giáp ranh xã Bình An - Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 113 | Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre | Đường tỉnh 769 | Hương lộ 10 xây dựng mới | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Liên ấp Sa Cá - Bàu Tre đoạn từ Đường tỉnh 769 đến Hương lộ 10 xây dựng mới có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 120 | Đường Lê Quang Định | Cầu Suối Phèn | Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Cầu Suối Phèn đến Giáp ranh đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 127 | Đường khu 14 | Nhà máy mủ cao su Long Thành | Giáp ranh xã An Phước | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 14 đoạn từ Nhà máy mủ cao su Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 134 | Đường Nguyễn Thị Giờ | Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu | Đường Liên xã Bình An - Long Thành | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu đến Đường Liên xã Bình An - Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 141 | Đường Nguyễn Thị Giờ | Đường Liên xã Bình An - Long Thành | Giáp ranh xã An Phước | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Giờ đoạn từ Đường Liên xã Bình An - Long Thành đến Giáp ranh xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 148 | Đường Nguyễn Thị Xót | Đường Võ Thị Sáu | Đường Lê Quang Định | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Xót đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Lê Quang Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 155 | Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An | Đường liên xã Long Thành – Bình An | Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Thanh Bình - Đội 3 xã Bình An đoạn từ Đường liên xã Long Thành – Bình An đến Giáp ranh khu công nghiệp Long Đức 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 162 | Đường ấp An Viễng | Tỉnh lộ 769 | Điểm trung chuyển rác thải | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp An Viễng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Điểm trung chuyển rác thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp An Viễng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Điểm trung chuyển rác thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp An Viễng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Điểm trung chuyển rác thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp An Viễng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Điểm trung chuyển rác thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp An Viễng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Điểm trung chuyển rác thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp An Viễng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Điểm trung chuyển rác thải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 169 | Đường Bàu Lùng | Tỉnh lộ 769 | Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 176 | Đường D1 trong khu dân cư Gam Sky World | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 177 | Các đường còn lại trong khu dân cư Gam Sky World | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 13. Xã An Phước**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hương lộ 2 | Hương lộ 21 | Hết ranh giới xã An Phước | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2 đoạn từ Hương lộ 21 đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 8 | Hương lộ 21 | Quốc lộ 51 | Đường liên xã An Phước - Tam An cũ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường liên xã An Phước - Tam An cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 15 | Hương lộ 21 | Đường liên xã An Phước - Tam An cũ | Hết ranh giới xã An Phước | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 21 đoạn từ Đường liên xã An Phước - Tam An cũ đến Hết ranh giới xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 22 | Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) | Đường Nguyễn Hải | Hương lộ 21 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã An Phước - Tam An (cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hải đến Hương lộ 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 29 | Đường Nguyễn Hải | Ngã 3 Phước Nguyên | Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã 3 Phước Nguyên đến Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã 3 Phước Nguyên đến Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã 3 Phước Nguyên đến Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã 3 Phước Nguyên đến Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã 3 Phước Nguyên đến Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Ngã 3 Phước Nguyên đến Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 36 | Đường Nguyễn Hải | Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 | Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hải đoạn từ Thửa đất số 173, tờ BĐĐC số 64 đến Hết ranh thửa đất số 350, tờ BĐĐC số 65 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 43 | Đường Chu Văn An | Giáp ranh xã Long Thành | Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giáp ranh xã Long Thành đến Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Thửa đất số 129, tờ BĐĐC số 67, xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 50 | Quốc lộ 51 | Ngã 3 đường Phùng Hưng | Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã 3 đường Phùng Hưng đến Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã 3 đường Phùng Hưng đến Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã 3 đường Phùng Hưng đến Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã 3 đường Phùng Hưng đến Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã 3 đường Phùng Hưng đến Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Ngã 3 đường Phùng Hưng đến Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 57 | Quốc lộ 51 | Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển | Mũi tàu | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến Mũi tàu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 64 | Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) | Mũi tàu | Giáp ranh xã Long Thành | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Lê Duẩn (Quốc lộ 51A cũ) đoạn từ Mũi tàu đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 71 | Đường liên ấp 7 - ấp 8 | Quốc lộ 51 | Đường Phùng Hưng - xã An Phước | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 7 - ấp 8 đoạn từ Quốc lộ 51 đến Đường Phùng Hưng - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,28 | 1,28 | 1,28 |
| 78 | Đường Phùng Hưng | Quốc lộ 51 | Giáp ranh xã An Viễn | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phùng Hưng đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 85 | Đường khu công nghiệp Long Đức | Quốc lộ 51 | Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu công nghiệp Long Đức đoạn từ Quốc lộ 51 đến Ranh khu công nghiệp Long Đức - xã An Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 92 | Đường Bùi Thị Xuân đoạn đã đầu tư hạ tầng | Giáp ranh xã Long Thành | Ranh khu công nghệ cao Long Thành đoạn đã đầu tư hạ tầng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 14. Xã Long Phước**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quốc lộ 51 | Giáp ranh xã Long Thành | Cầu Suối Cả | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Suối Cả có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 8 | Quốc lộ 51 | Cầu Suối Cả | Hết UBND xã Long Phước | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Suối Cả đến Hết UBND xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 15 | Quốc lộ 51 | Hết UBND xã Long Phước | Hết chùa Pháp Hưng | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết UBND xã Long Phước đến Hết chùa Pháp Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 22 | Quốc lộ 51 | Hết chùa Pháp Hưng | Ranh giới xã Phước Thái | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Hết chùa Pháp Hưng đến Ranh giới xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 29 | Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình | Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ | Hết ranh xã Long Phước | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Hết ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 36 | Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ | Quốc lộ 51 | Giáp chùa Long Phước Thọ | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp chùa Long Phước Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 43 | Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ | Giáp chùa Long Phước Thọ | Giáp chùa Long Quang | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Phước Thọ đến Giáp chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,15 | 1,15 | 1,15 |
| 50 | Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ | Giáp chùa Long Quang | Cầu Bản Cù | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Giáp chùa Long Quang đến Cầu Bản Cù có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| 57 | Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ | Cầu Bản Cù | Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đoạn từ Cầu Bản Cù đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 64 | Đường Suối Le | Ngã ba Cây Cầy | Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Le đoạn từ Ngã ba Cây Cầy đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 71 | Hương lộ 12 (đường Bà Ký) | Quốc lộ 51 | Giáp ranh xã Phước An | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 12 (đường Bà Ký) đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 78 | Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường | Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ | Giáp ranh xã Xuân Đường | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường vào UBND xã Bàu Cạn cũ đến Giáp ranh xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 85 | Đường ấp 2 Suối Trầu | Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 85) | Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 88) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 85) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 85) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 85) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 85) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 85) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 Suối Trầu đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 85) đến Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường (thửa đất số 457, tờ BĐĐC số 88) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 15. Xã Phước Thái**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quốc lộ 51 | Giáp ranh xã Long Phước | Cầu Thái Thiện | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Giáp ranh xã Long Phước đến Cầu Thái Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 8 | Quốc lộ 51 | Cầu Thái Thiện | Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 51 đoạn từ Cầu Thái Thiện đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 15 | Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ | Quốc lộ 51 | Cầu Suối 1 | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Cầu Suối 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 22 | Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ | Cầu Suối 1 | Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Tân Hiệp cũ đoạn từ Cầu Suối 1 đến Hết ranh giới xã Tân Hiệp cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 29 | Đường vào UBND xã Phước Bình cũ | Quốc lộ 51 | Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 36 | Đường vào UBND xã Phước Bình cũ | Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) | Ranh xã Phước Thái | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đoạn từ Hết khu làng dân tộc Chơro (bên phải hết ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 190; bên trái hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 190, xã Phước Thái) đến Ranh xã Phước Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 43 | Đường liên ấp 1-3 | Đường vào UBND xã Phước Bình cũ | Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-3 đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 50 | Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình | Đường vào UBND xã Phước Bình cũ | Giáp ranh xã Long Phước | 1,16 | 1,16 | 1,16 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Tân Hiệp - Phước Bình đoạn từ Đường vào UBND xã Phước Bình cũ đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,16 | 1,16 | 1,16 |
| 57 | Đường nhựa xã Phước Bình cũ | Quốc lộ 51 | Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nhựa xã Phước Bình cũ đoạn từ Quốc lộ 51 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

**Bảng 16. Phường Nhơn Trạch**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Lê Hồng Phong | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 8 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Trần Văn Trà | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 15 | Đường Quách Thị Trang | Đường Lý Thái Tổ | Đường Trần Văn Trà | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 22 | Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ | Trạm xăng dầu Bảo Uyên | Đường Vành đai 3 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 29 | Đường Lý Thái Tổ | Giáp ranh xã Long Thành | Cầu Phước Thiền | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 36 | Đường Lý Thái Tổ | Cầu Phước Thiền | Đường vào khu tái định cư Phước Thiền | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 43 | Đường Lý Thái Tổ | Đường vào khu tái định cư Phước Thiền | Đường vào đỉnh Phú Mỹ 2 | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đỉnh Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 50 | Đường Lý Thái Tổ | Đường vào đình Phú Mỹ 2 | Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 57 | Đường Lý Thái Tổ | Trường Tiểu học Phú Hội | Cầu Long Tân | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 64 | Đường Lý Thái Tổ | Cầu Long Tân | Đường Quách Thị Trang | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 71 | Đường Lý Thái Tổ | Quách Thị Trang | Hết ranh xã Nhơn Trạch | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 78 | Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) | Đường Lý Thái Tổ | Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiền) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 85 | Đường Võ Bến Săn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) | Đường Lý Thái Tổ | Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 92 | Đường Bến Chùa | Đường Lý Thái Tổ | Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 99 | Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam | Đường Lý Thái Tổ | Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 106 | Đường ranh ấp Trầu - Bến Săn | Đường Lý Thái Tổ | Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Săn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Săn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Săn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Săn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Săn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Săn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 113 | Đường Trần Phú | Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiền | Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến cầu Đồng Môn | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiền đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 120 | Đường Trần Phú | Cầu Đồng Môn | Trạm thu phí BOT 319 | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 127 | Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) | Đường Lý Thái Tổ | Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Độn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 134 | Đường vào Cù Lao Ông Cồn | Đường Lý Tự Trọng | Sông Cái (xã Long Tân Cũ) | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 141 | Đường Trần Văn Ơn | Đường Tôn Đức Thắng | Đường Nguyễn Kim Quy | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 148 | Đường Trần Văn Ơn | Đường Nguyễn Kim Quy | Đường Lý Thái Tổ | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ơn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 155 | Đường vào giáo xứ Tân Tường | Đường Lý Thái Tổ | Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch | | | |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 162 | Đường vào trường mầm non Phú Thạnh | Đường Lý Thái Tổ | Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 169 | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Lý Thái Tổ | Hết ranh xã Nhơn Trạch | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 176 | Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Trần Văn Ơn | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 177 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 180 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 183 | Đường Miễu | Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch | Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 184 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 187 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 190 | Đường Miễu | Đường Lý Thái Tổ | Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 191 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 192 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 193 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 194 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 195 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 196 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Miễu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 197 | Đường Cây Dầu | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Lý Thái Tổ | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 198 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 199 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 200 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 201 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 202 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 203 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 204 | Đường Đào Thị Phấn | Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 | Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | về bên phải xã Nhơn Trạch | | | | |
| 205 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 206 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 207 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 208 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 209 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 210 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 211 | Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) | Đường Lý Thái Tổ | Đường Đào Thị Phấn | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 212 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 213 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 214 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 215 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 216 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 217 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhạt (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 218 | Đường Bờ | Đường Lý Thái Tổ | Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 219 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 220 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 221 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 222 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 223 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 224 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 225 | Đường vào Đình Phú Mỹ 2 | Đường Lý Thái Tổ | Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 226 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 227 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 228 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 229 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 230 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 231 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 232 | Đường vào khu tái định cư Phước Thiền | Đường Lý Thái Tổ | Hết khu TĐC Phước Thiền | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 233 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 234 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 235 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 236 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 237 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 238 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiền đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 239 | Đường Trần Phú | Ngã tư Bến Cam | Công ty Kim Phong | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 240 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 241 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 242 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 243 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 244 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 245 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 246 | Đường Trần Phú | Công ty Kim Phong | Đường Tôn Đức Thắng | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 247 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 248 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 249 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 250 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 251 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 252 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 253 | Đường Trần Phú | Đường Tôn Đức Thắng | Hết ranh xã Nhơn Trạch | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 254 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 255 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 256 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 257 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 258 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 259 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 260 | Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) | Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch | Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 261 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 262 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 263 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 264 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 265 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 266 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiền cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 267 | Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 | Đường Lý Thái Tổ | Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 268 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 269 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 270 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 271 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 272 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 273 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 274 | Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) | Giáp ranh xã Nhơn Trạch | Đường Trần Phú | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 275 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 276 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 277 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 278 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 279 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 280 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 281 | Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) | Đường Trần Phú | Đường Quách Thị Trang | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 282 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 283 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 284 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 285 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 286 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 287 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 288 | Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 xã Nhơn Trạch) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 289 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 290 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 291 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 292 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 293 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 294 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 295 | Đường Nguyễn Hữu Thọ | Đường Ngô Gia Tự | Đường Phan Đăng Lưu | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 296 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 297 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 298 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 299 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 300 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 301 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 302 | Đường Hoàng Văn | Đường Nguyễn Hữu | Đường Phan Đăng Lưu | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thụ | Thọ | | | | |
| 303 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 304 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 305 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 306 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 307 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 308 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 309 | Đường Nguyễn Kim Quy | Đường Nguyễn Hữu Thọ | Đường Trần Văn Ơn | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 310 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 311 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 312 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 313 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 314 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 315 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 316 | Đường Ngô Gia Tự | Đường Nguyễn Hữu Thọ | Đường Trần Đại Nghĩa | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 317 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 318 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 319 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 320 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 321 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 322 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 323 | Đường 28 tháng 4 | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Thích Quảng Đức | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 324 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 325 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 326 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 327 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 328 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 329 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 330 | Đường Hồ Tùng Mậu | Đường Nguyễn Hữu Thọ | Đường Thích Quảng Đức | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 331 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 332 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 333 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 334 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 335 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 336 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 337 | Đường Nguyễn An Ninh | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Nguyễn Hữu Thọ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 338 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 339 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 340 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 341 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 342 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 343 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 344 | Đường Nguyễn Văn Trỗi | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Trần Đại Nghĩa | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 345 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 346 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 347 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 348 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 349 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 350 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 351 | Đường Phạm Ngọc Thạch | Đường Trần Đại Nghĩa | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 352 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 353 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 354 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 355 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 356 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 357 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 358 | Đường Phạm Văn Thuận | Đường Tôn Đức Thắng | Đường Ngô Gia Tự | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 359 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 360 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 361 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 362 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 363 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 364 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 365 | Đường Trần Đại Nghĩa | Đường Nguyễn Kim Quy | Đường Ngô Gia Tự | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 366 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 367 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 368 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 369 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 370 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 371 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 372 | Đường Lê Đức Thọ | Đường Tôn Đức Thắng | Đường Ngô Gia Tự | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 373 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 374 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 375 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 376 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 377 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 378 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 379 | Đường Thích Quảng Đức | Đường Tôn Đức Thắng | Đường Nguyễn Hữu Thọ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 380 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 381 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 382 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 383 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 384 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 385 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 386 | Đường Hoàng Minh Châu | Đường Nguyễn An Ninh | Đường Ngô Gia Tự | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 387 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 388 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 389 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 390 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 391 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 392 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 393 | Đường Vũ Hồng Phô | Đường Nguyễn Văn Trỗi | Đường Ngô Gia Tự | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 394 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 395 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 396 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 397 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 398 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 399 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 400 | Đường Phan Đăng Lưu | Đường Nguyễn Kim Quy | Đường Nguyễn Hữu Thọ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 401 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 402 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 403 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 404 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 405 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 406 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 407 | Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ | Đường Lý Thái Tổ | Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 408 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 409 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 410 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 411 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 412 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 413 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 414 | Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) | Ngã 3 Phước Thiền | Cầu Mạch Bà | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 415 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 416 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 417 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 418 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 419 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 420 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiền đến Cầu Mạch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 421 | Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) | Cầu Mạch Bà | Giáp ranh xã Phước An | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 422 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 423 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 424 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 425 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 426 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 427 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 428 | Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ | Hùng Vương | Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 429 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 430 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 431 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 432 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 433 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 434 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 435 | Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ | Hùng Vương | Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 436 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 437 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 438 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 439 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 440 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 441 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 442 | Đường Cây Me | Hùng Vương | Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái | | | |
| 443 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 444 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 445 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 446 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 447 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 448 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 449 | Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng | Đường Hùng Vương | Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 450 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 451 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 452 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 453 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 454 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 455 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 456 | Đường vào cổng khu phố Phước Lai | Đường Hùng Vương | Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 457 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 458 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 459 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 460 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 461 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 462 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 463 | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường Tôn Đức Thắng | Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 464 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 465 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 466 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 467 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 468 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 469 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,18 | 1,18 | 1,18 |
| 470 | Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ | Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) | Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 471 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 472 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 473 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 474 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 475 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 476 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 477 | Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ | Đường giáp ranh xã Phước Thiền - thị trấn Hiệp Phước cũ | Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 17. Xã Đại Phước**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) | Giáp ranh xã Nhơn Trạch | Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 8 | Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) | Đường Trần Văn Trà | Phà Cát Lái | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 15 | Đường Trần Văn Trà | Đường Trần Nam Trung | Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 22 | Quách Thị Trang | Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An | Đường Trần Văn Trà | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 29 | Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) | Đường Lý Thái Tổ | Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 36 | Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) | Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ | Giáp ranh giới xã Phước An | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 43 | Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ | Đường Trần Văn Trà | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 50 | Đường Võ Thị Sáu | Đường Hùng Vương | Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 57 | Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) | Đường Hùng Vương | Đường Trần Văn Trà | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 64 | Đường Huỳnh Văn Lũy | Đường Trần Văn Trà | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 71 | Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) | Đường Hùng Vương | Đường Quách Thị Trang | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 78 | Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn | Đường Hùng Vương | Sông Ông Kèo | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 85 | Đường vào khu Tái định cư Phú Đông | Đường Võ Thị Sáu | Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 92 | Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương | Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Cổng Đỏ Cũ) | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 99 | Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 | Đường Lý Thái Tổ | Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 106 | Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 | Đường Lý Thái Tổ | Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 113 | Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) | Đường Lý Thái Tổ | Đường Phan Văn Đáng | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Cống Đỏ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,10 | 1,10 | 1,10 |
| 120 | Đường Chòm Dầu | Đường Lý Thái Tổ | Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐĐC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 127 | Đường Phan Văn Đáng | Đường Lý Thái Tổ | Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 134 | Đường Dương Văn Thì | Đường Lý Thái Tổ | Đường Nguyễn Văn Trị | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thì đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 141 | Đường Vàm Ô | Đường Lý Thái Tổ | Giáp sông Cái xã Đại Phước | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 148 | Đường đê Ông Kèo | Đường Lý Thái Tổ | Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 155 | Đường đê Ông Kèo | Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu | Hết ranh xã Đại Phước | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 162 | Đường ấp Phước Lương | Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu | Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 169 | Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) | Đường Hùng Vương | Giáp đường đê Ông Kèo | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 176 | Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) | Ngã tư đường đê Ông Kèo | Sông Vàm Mương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 177 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 180 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 183 | Đường vào Trường THCS Phước Khánh | Đường Phạm Thái Bường | Hết Trường Tiểu học Phước Khánh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 184 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 187 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 190 | Đường vào bến đò Phước Khánh | Đường Phạm Thái Bường | Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số | 1,17 | 1,17 | 1,17 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 194, xã Đại Phước) | | | |
| 191 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 192 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 193 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 194 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 195 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 196 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐĐC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,17 | 1,17 | 1,17 |
| 197 | Đường Trường mầm non Phước Khánh | Sông Vàm Mương | Đường đê Ông Kèo | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 198 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 199 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 200 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 201 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 202 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 203 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 204 | Đường vào khu tái định cư Phước Khánh | Đường Phạm Thái Bường | Hết khu tái định cư Phước Khánh | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 205 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 206 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 207 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 208 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 209 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 210 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 211 | Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc | Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ) | Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 212 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 213 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 214 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 215 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 216 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 217 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 218 | Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ | Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước) | Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 219 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 220 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 221 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 222 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 223 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 224 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 225 | Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Đường trục trung tâm cù lao Đại Phước) | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 226 | Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Các đường D1, D2, D3, D4, A9, A10) | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 227 | Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (các đường còn lại) | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 18. Xã Phước An**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Quách Thị Trang | Đường Hà Huy Tập | Giáp ranh xã Đại Phước | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 8 | Đường Võ Văn Tần | Đường Trần Phú | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 15 | Đường đê Ông Kèo | Giáp ranh xã Đại Phước | Đường Hùng Vương | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,20 | 1,20 | 1,20 |
| 22 | Đường Phạm Thái Bường | Đường Hùng Vương | Hết ranh xã Phước An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 29 | Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) | Ranh giới xã Nhơn Trạch | Cửa hàng xăng dầu An Phú | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 36 | Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) | Cửa hàng xăng dầu An Phú | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 43 | Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Hết ranh xã Phước An | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,23 | 1,23 | 1,23 |
| 50 | Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) | Đường Quách Thị Trang | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 57 | Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) | Đường Quách Thị Trang | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 64 | Đường ấp Hòa Bình | Đường Hùng Vương | Đường Quách Thị Trang | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 71 | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Giáp ranh xã Nhơn Trạch | Đường Hùng Vương | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 78 | Đường Nguyễn Văn Cừ | Đường Trần Phú | Đường Hùng Vương | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 85 | Đường Nguyễn Văn Cừ | Đường Hùng Vương | Cao tốc Bến Lức Long Thành | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 92 | Đường Nguyễn Văn Cừ | Cao tốc Bến Lức Long Thành | Giáp sông | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 99 | Đường Nguyễn Thị Chơn | Đường Hùng Vương | Hết Trường THCS Phước An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 106 | Đường Nguyễn Thị Chơn | Hết Trường THCS Phước An | Đường Lê Hồng Phong | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 113 | Đường Rạch Mới | Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) | Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 120 | Đường Trần Phú | Giáp ranh xã Nhơn Trạch | Hết ranh xã Phước An | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 127 | Đường Huỳnh Thúc Kháng | Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 134 | Đường Lê Hồng Phong | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Nguyễn Thị Chơn | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 141 | Đường Lê Hồng Phong | Đường Nguyễn Thị Chơn | Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 148 | Đường Lê Hồng Phong | Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch | Đường Trường Chinh | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhơn Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,05 | 1,05 | 1,05 |
| 155 | Đường ra Cảng Phước An | Vòng xoay đường Trần Phú | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 162 | Đường ra Cảng Phước An | Đường Hùng Vương | Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Phước An | | | |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 169 | Đường Nguyễn Văn Ký | Đường Hùng Vương | Ranh giới xã Long Phước | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 176 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 177 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 180 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 183 | Đường Nguyễn Ái Quốc | Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) | Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 184 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 187 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

**Bảng 19. Phường Long Khánh**

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đường Hồng Thập Tự | Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của | Đường 21/4 | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 2 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 3 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 4 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 5 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 6 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 7 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Ngã ba Đường Võ Duy Dương và Đường Lương Đình Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 8 | Đường Hồng Thập Tự | Đường 21/4 | Đường Hùng Vương | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 9 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 10 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 11 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 12 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 13 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 14 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 15 | Đường Hồng Thập Tự | Đường Hùng Vương | Đường Hồ Thị Hương | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 16 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 17 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 18 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 19 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 20 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 21 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồng Thập Tự đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,22 | 1,22 | 1,22 |
| 22 | Đường Hoàng Diệu | Đường Hồ Thị Hương | Đường Ngô Quyền | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 23 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 24 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 25 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 26 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 27 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 28 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 29 | Đường Trần Phú | Đường Hùng Vương | Đường Hồ Thị Hương | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 30 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 31 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 32 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 33 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 35 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 36 | Đường Trần Phú | Đường Hồ Thị Hương | Đường Hồ Thị Hương vào 200m | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 37 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 38 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 39 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 40 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 41 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 42 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Hồ Thị Hương vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 43 | Đường Trần Phú | Đường Hồ Thị Hương vào 200m | Đường Ngô Quyền | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 44 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 45 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 46 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 47 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 48 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 49 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hồ Thị Hương vào 200m đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 50 | Đường Khổng Tử | Đường Hùng Vương | Đường Hồ Thị Hương | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 51 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 52 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 53 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 54 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 55 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 56 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khổng Tử đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 57 | Đường Chu Văn An | Đường Võ Duy Dương | Đường 21/4 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 58 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 59 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 60 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 61 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 62 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 63 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 64 | Đường Chu Văn An | Đường 21/4 | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 65 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 66 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 67 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 68 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 69 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 70 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 71 | Đường Chu Văn An | Đường Hùng Vương | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 72 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 73 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 74 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 75 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 76 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 77 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 78 | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường Hùng Vương | Đường Nguyễn Trung Trực | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 79 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 80 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 81 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 82 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 83 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 84 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Trung Trực có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 85 | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường Nguyễn Trung Trực | Đường Trương Định | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 86 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 87 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 88 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 89 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 90 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 91 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 92 | Đường Trịnh Hoài Đức | Đường Nguyễn Trung Trực | Đường Trần Thượng Xuyên | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 93 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 94 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 95 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 96 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 97 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 98 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 99 | Đường Lê Quang Định | Đường Hùng Vương | Đường Hồ Thị Hương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 100 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 101 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 102 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 103 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 104 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 105 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quang Định đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 106 | Đường 9 tháng 4 | Đường Hồ Thị Hương | Đường Ngô Quyền | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 107 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 108 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 109 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 110 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 111 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 112 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,35 | 1,35 | 1,35 |
| 113 | Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) | Giáp ranh phường Bình Lộc | Giáp Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 114 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Giáp Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 115 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Giáp Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 116 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Giáp Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 117 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Giáp Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 118 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Giáp Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 119 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Giáp ranh phường Bình Lộc đến Giáp Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 120 | Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) | Đầu Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai | Cầu vượt Long Khánh | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 121 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai đến Cầu vượt Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 122 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai đến Cầu vượt Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 123 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai đến Cầu vượt Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 124 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai đến Cầu vượt Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 125 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai đến Cầu vượt Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 126 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Công ty cổ phần xây dựng số 2 Đồng Nai đến Cầu vượt Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 127 | Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) | Cầu vượt Long Khánh | Giáp Tượng Đài | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 128 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu vượt Long Khánh đến Giáp Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 129 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu vượt Long Khánh đến Giáp Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 130 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu vượt Long Khánh đến Giáp Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 131 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu vượt Long Khánh đến Giáp Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 132 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu vượt Long Khánh đến Giáp Tượng Đài có | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 133 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu vượt Long Khánh đến Giáp Tượng Đài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 134 | Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) | Đầu Tượng Đài | Giáp Cầu Gia Liêu | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 135 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 136 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 137 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 138 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 139 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 140 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Đầu Tượng Đài đến Giáp Cầu Gia Liêu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,27 | 1,27 | 1,27 |
| 141 | Đường Hùng Vương | Đường 21/4 | Đường Cách mạng tháng 8 | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 142 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 143 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 144 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 145 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 146 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 147 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 148 | Đường Hùng Vương | Đường Cách mạng tháng 8 | Đường Lý Thái Tổ | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 149 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 150 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 151 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 152 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 153 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 154 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Vương đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 155 | Đường Đào Trí Phú | Đường Huỳnh Văn Nghệ | Đường Trần Thượng Xuyên | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 156 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 157 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 158 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 159 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 160 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 161 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Trí Phú đoạn từ Đường Huỳnh Văn Nghệ đến Đường Trần Thượng Xuyên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 162 | Đường Nguyễn Trung Trực | Hẻm 50 Khổng Tử | Đường Hồ Thị Hương | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 163 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 164 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 165 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 166 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 167 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 168 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Hẻm 50 Khổng Tử đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 169 | Đường Nguyễn Trung Trực | Đường Hồ Thị Hương | Giáp cầu Suối Cải | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 170 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 171 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 172 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 173 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 174 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |
| 175 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp cầu Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,34 | 1,34 | 1,34 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 176 | Đường Trần Văn Thi | Đường Hoàng Diệu | Đường 9 tháng 4 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 177 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 178 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 179 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 180 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 181 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 182 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Thi đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 183 | Đường Lê Văn Vận | Đường Hoàng Diệu | Đường 9 tháng 4 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 184 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 185 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 186 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 187 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 188 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 189 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 190 | Đường Phạm Lạc | Đường Hoàng Diệu | Đường 9 tháng 4 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 191 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 192 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 193 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 194 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 195 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 196 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Lạc đoạn từ Đường Hoàng Diệu đến Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 197 | Đường Ngô Quyền | Giáp ranh phường Bảo Vinh | Đường Duy Tân | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 198 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 199 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 200 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 201 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 202 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 203 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp ranh phường Bảo Vinh đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 204 | Đường Ngô Quyền | Đường Duy Tân | Đường Phạm Thế Hiển | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 205 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 206 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 207 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 208 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 209 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 210 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường Phạm Thế Hiển có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 211 | Đường Ngô Quyền | Đường Phạm Thế Hiển | Giáp cầu Xuân Thanh | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 212 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 213 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 214 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 215 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 216 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 217 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 218 | Đường Nguyễn Hữu Cảnh | Đường Hồng Thập Tự | Đường Trương Định | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 219 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 220 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 221 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 222 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 223 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 224 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,36 | 1,36 | 1,36 |
| 225 | Đường Trần Quang Diệu | Đường Hùng Vương | Đường Bùi Thị Xuân | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 226 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 227 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 228 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 229 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 230 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 231 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Bùi Thị Xuân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 232 | Đường Phạm Thế Hiển | Đường Hồ Thị Hương | Đường Ngô Quyền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 233 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 234 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 235 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 236 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 237 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 238 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thế Hiển đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 239 | Đường Bùi Thị Xuân | Đường 21/4 | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 240 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 241 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 242 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 243 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 244 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 245 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 246 | Đường Phạm Ngọc Thạch | Đường Trần Quang Diệu | Đường 21/4 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 247 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 248 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 249 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 250 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 251 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 252 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Quang Diệu đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 253 | Đường Phạm Ngọc Thạch | Đường 21/4 | Đường Lương Đình Của | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 254 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 255 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 256 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 257 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 258 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 259 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Lương Đình Của có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 260 | Đường Cách Mạng Tháng 8 | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | Sân vận động | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 261 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 262 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 263 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 264 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 265 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 266 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Sân vận động có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 267 | Đường Mạc Đĩnh Chi | Đường 21/4 | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 268 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 269 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 270 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 271 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 272 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 273 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mạc Đĩnh Chi đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 274 | Đường Tô Hiến Thành | Đường 21/4 | Đường Hùng Vương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 275 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 276 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 277 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 278 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 279 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 280 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 281 | Đường Tô Hiến Thành | Đường Hùng Vương | Đường Hai Bà Trưng | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 282 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 283 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 284 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 285 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 286 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 287 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tô Hiến Thành đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 288 | Đường Nguyễn Văn Trỗi | Đường Lương Định Của | Đường 21/4 | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 289 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 290 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 291 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 292 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 293 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 294 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 295 | Đường Lê Lợi | Đường Hùng Vương | Đường Nguyễn Du | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 296 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 297 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 298 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 299 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 300 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 301 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 302 | Đường Nguyễn Thái Học | Đường Hùng Vương | Đường Nguyễn Văn Cừ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 303 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 304 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 305 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 306 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 307 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 308 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thái Học đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 309 | Đường Nguyễn Công Trứ | Đường Hùng Vương | Đường Nguyễn Du | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 310 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 311 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 312 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 313 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 314 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 315 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 316 | Đường Thích Quảng Đức | Đường Hùng Vương | Đường Nguyễn Văn Cừ | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 317 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 318 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 319 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 320 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 321 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 322 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 323 | Đường Thích Quảng Đức | Đường Nguyễn Văn Cừ | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 324 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 325 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 326 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 327 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 328 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 329 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 330 | Đường Thích Quảng | Đường Nguyễn Thị Minh | Đường Hồ Thị Hương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đức | Khai | | | | |
| 331 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 332 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 333 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 334 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 335 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 336 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 337 | Đường Phan Chu Trinh | Đường Nguyễn Văn Cừ | Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 338 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 339 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 340 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 341 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 342 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 343 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 153, tờ BĐĐC số 10; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 344 | Đường Nguyễn Trường Tộ | Đường Nguyễn Du | Đường Phan Bội Châu | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 345 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 346 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 347 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 348 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 349 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 350 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nguyễn Trường Tộ đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 351 | Đường Quang Trung | Đường Hùng Vương | Đường Nguyễn Văn Cừ | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 352 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 353 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 354 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 355 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 356 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 357 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 358 | Đường Quang Trung | Đường Nguyễn Văn Cừ | Đường Trần Huy Liệu | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 359 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 360 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 361 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 362 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 363 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 364 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Trần Huy Liệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 365 | Đường Quang Trung | Đường Trần Huy Liệu | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 366 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 367 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 368 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 369 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 370 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 371 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quang Trung đoạn từ Đường Trần Huy Liệu đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 372 | Đường Hai Bà Trưng | Đường 21/4 | Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn | 1,25 | 1,25 | 1,25 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) | | | |
| 373 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 374 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 375 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 376 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 377 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 378 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai (gồm 1 đoạn đường Quang Trung và đường Cách mạng tháng 8) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,25 | 1,25 | 1,25 |
| 379 | Đường Nguyễn Trãi | Ngã ba Hùng Vương | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 380 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 381 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 382 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 383 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 384 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 385 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Ngã ba Hùng Vương đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 386 | Đường Nguyễn Trãi | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | Đường Hồ Thị Hương | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 387 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 388 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 389 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 390 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 391 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |
| 392 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,33 | 1,33 | 1,33 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 393 | Đường Lý Thái Tổ | Đường 21/4 | Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 394 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 395 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 396 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 397 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 398 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 399 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường 21/4 đến Bên trái đến hết ranh thửa đất số 223, tờ BĐĐC số 130; Bên phải đến hết ranh thửa đất số 25, tờ BĐĐC số 130 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 400 | Đường Lý Nam Đế | Đường Hùng Vương | Đường Trần Phú | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 401 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 402 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 403 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 404 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 405 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 406 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 407 | Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm | Đường Lê Lợi | Đường Trần Phú | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 408 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 409 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 410 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 411 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 412 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 413 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 414 | Đường Đinh Tiên Hoàng | Đường Lê Lợi | Đường Trần Phú | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 415 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 416 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 417 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 418 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 419 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 420 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Lê Lợi đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 421 | Đường Nguyễn Du | Đường Thích Quảng Đức | Đường Trần Phú | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 422 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 423 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 424 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 425 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 426 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 427 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Đường Thích Quảng Đức đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 428 | Đường Nguyễn Văn Cừ | Đường Trần Phú | Đường Quang Trung | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 429 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 430 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 431 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 432 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 433 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 434 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 435 | Đường Nguyễn Văn Cừ | Đường Quang Trung | Đường Tô Hiến Thành | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 436 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 437 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 438 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 439 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 440 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 441 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Tô Hiến Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,30 | 1,30 | 1,30 |
| 442 | Đường Lý Thường Kiệt | Đường Trần Phú | Đường Thích Quảng Đức | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 443 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 444 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 445 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 446 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 447 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 448 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 449 | Đường Phan Bội Châu | Đường Phan Chu Trinh | Đường Thích Quảng Đức | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 450 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 451 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 452 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 453 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 454 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 455 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Phan Chu Trinh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 456 | Nguyễn Thị Minh Khai | Nguyễn Trãi | Đường Cách mạng tháng 8 | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 457 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 458 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 459 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 460 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 461 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 462 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Nguyễn Trãi đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 463 | Nguyễn Thị Minh Khai | Đường Cách mạng tháng 8 | Đường Hồ Thị Hương | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 464 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 465 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 466 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 467 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 468 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 469 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Cách mạng tháng 8 đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 470 | Tuyến đường qua khu đô thị mới | Đường Nguyễn Trãi | Giáp ranh phường Hàng Gòn | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 471 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 472 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 473 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 474 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 475 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 476 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Đường Nguyễn Trãi đến Giáp ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 477 | Đường Lê Hữu Trác | Đường 21/4 | Hết ranh phường Long Khánh | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 478 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 479 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 480 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 481 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 482 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 483 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Đường 21/4 đến Hết ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,13 | 1,13 | 1,13 |
| 484 | Đường Lương Thế Vinh | Đường 21/4 | Ranh phường Hàng Gòn | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 485 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 486 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 487 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 488 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 489 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 490 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Thế Vinh đoạn từ Đường 21/4 đến Ranh phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 491 | Đường Đoàn Thị Điểm | Đường 21/4 | Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 492 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 493 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 494 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 495 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 496 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 497 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp thửa đất số 21, tờ BĐĐC số 115 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 498 | Đường Phan Huy Chú | Đường 21/4 | Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 499 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 500 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 501 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 502 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 503 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 504 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Huy Chú đoạn từ Đường 21/4 đến Tuyến đường qua khu đô thị mới (từ đường Nguyễn TrãI đến đường Lê Hồng Phong) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 505 | Đường Hồ Tùng Mậu | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | Đường Hồ Thị Hương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 506 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 507 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 508 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 509 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 510 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 511 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 512 | Đường Hồ Tùng Mậu | Đường Hồ Thị Hương | Đường Nguyễn Chí Thanh | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 513 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 514 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 515 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 516 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 517 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 518 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Nguyễn Chí Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 519 | Đường Phan Đăng Lưu | Đường Hồ Thị Hương | Đường Ngô Quyền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 520 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 521 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 522 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 523 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 524 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 525 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 526 | Đường Nguyễn Chí Thanh | Đường Phạm Thế Hiển | Đường Lý Tự Trọng | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 527 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 528 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 529 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 530 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 531 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |
| 532 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường | | | 1,32 | 1,32 | 1,32 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Đường Phạm Thế Hiển đến Đường Lý Tự Trọng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 533 | Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) | Đường Ngô Quyền | Đường Ngô Quyền vào 200m | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 534 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 535 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 536 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 537 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 538 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 539 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Ngô Quyền vào 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 540 | Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) | Đường Ngô Quyền vào 200m | Ngã ba đi Miếu Bà | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 541 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 542 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 543 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 544 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 545 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 546 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Đường Ngô Quyền vào 200m đến Ngã ba đi Miếu Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 547 | Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) | Ngã ba đi Miếu Bà | Ngã ba cầu Hòa Bình | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 548 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 549 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 550 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 551 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 552 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |
| 553 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điểu Xiển (Bàu Trâm 1) đoạn từ Ngã ba đi Miếu Bà đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,26 | 1,26 | 1,26 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 554 | Đường Bàu Trâm 1 | Đường Điểu Xiển | Ngã ba cầu Hòa Bình | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 555 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 556 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 557 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 558 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 559 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 560 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Ngã ba cầu Hòa Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 561 | Đường Bàu Trâm 1 | Ngã ba cầu Hòa Bình | Giáp ranh xã Xuân Định | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 562 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 563 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 564 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 565 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | | | |
| 566 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 567 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm 1 đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 568 | Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ | Ngã ba cầu Hòa Bình | Giáp ranh xã Xuân Lộc | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 569 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 570 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 571 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 572 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 573 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 574 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ đoạn từ Ngã ba cầu Hòa Bình đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,24 | 1,24 | 1,24 |
| 575 | Đường Hồ Thị Hương | Đường Lê A | Đường Khổng Tử | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 576 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 577 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 578 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 579 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 580 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 581 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Đường Khổng Tử có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 582 | Đường Hồ Thị Hương | Đường Khổng Tử | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 583 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 584 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 585 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 586 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 587 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 588 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Khổng Tử đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 589 | Đường Hồ Thị Hương | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | Giáp cầu Xuân Thanh | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 590 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 591 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 592 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 593 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 594 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 595 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Giáp cầu Xuân Thanh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 596 | Đường Hồ Thị Hương | Đầu cầu Xuân Thanh | Giáp ranh xã Xuân Lộc | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 597 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 598 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 599 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 600 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 601 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 602 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đầu cầu Xuân Thanh đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,31 | 1,31 | 1,31 |
| 603 | Đường Nguyễn Tri Phương | Đường Nguyễn Du | Nguyễn Thị Minh Khai | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 604 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 605 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 606 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 607 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 608 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 609 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Du đến Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,29 | 1,29 | 1,29 |
| 610 | Đường Nguyễn Tri Phương | Nguyễn Thị Minh Khai | Đường Thích Quảng Đức | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 611 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 612 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 613 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 614 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 615 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 616 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 617 | Đường Hoàng Văn Thụ | Đường Hồ Thị Hương | Đường Ngô Quyền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 618 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 619 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 620 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 621 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 622 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 623 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 624 | Đường Châu Văn Liêm | Đường Hồ Thị Hương | Đường Ngô Quyền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 625 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 626 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 627 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 628 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 629 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 630 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Châu Văn Liêm đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | | | |
| 631 | Đường Ngô Gia Tự | Đường Hồ Thị Hương | Đường Ngô Quyền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 632 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 633 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 634 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 635 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 636 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 637 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 638 | Đường Hà Huy Giáp | Đường Hồ Thị Hương | Đường Ngô Quyền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 639 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 640 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 641 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 642 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 643 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 644 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 645 | Đường Lý Tự Trọng | Đường Hồ Thị Hương | Đường Ngô Quyền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 646 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 647 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 648 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 649 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 650 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 651 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 652 | Đường Võ Duy Dương | Đường Hồng Thập Tự | Đường 21/4 | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 653 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | | | |
| 654 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 655 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 656 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 657 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 658 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,21 | 1,21 | 1,21 |
| 659 | Đường Lương Đình Của | Đường Hồng Thập Tự | Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 660 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 661 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 662 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 663 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 664 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 665 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường bên hông cây xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 666 | Đường Trần Thượng Xuyên | Đường Hùng Vương | Đường Hồ Thị Hương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 667 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 668 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 669 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 670 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 671 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 672 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thượng Xuyên đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 673 | Đường Phạm Ngũ Lão | Đường Lương Định Của | Đường 21/4 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 674 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 675 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 676 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 677 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 678 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 679 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngũ Lão đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 680 | Đường Trần Huy Liệu | Đường Cách Mạng Tháng Tám | Đường Quang Trung | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 681 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 682 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 683 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 684 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 685 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | | | |
| 686 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Huy Liệu đoạn từ Đường Cách Mạng Tháng Tám đến Đường Quang Trung có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 687 | Đường Trương Định | Đường Hồng Thập Tự | Đường Hồ Thị Hương | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 688 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 689 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 690 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 691 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 692 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 693 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 694 | Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu | Đường Hồ Thị Hương | Đường số 1 | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 695 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 696 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 697 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |

| TT | Tên đường giao thông | Điểm đầu | Điểm cuối | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ | Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | | | |
| 698 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 699 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 700 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 701 | Đường Thổ Lùn | Đường Điểu Xiển | Đường Ngô Quyền | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 702 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 703 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 704 | Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 705 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 706 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |
| 707 | Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thổ Lùn đoạn từ Đường Điểu Xiển đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:<br>- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.<br>- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m. | | | 1,19 | 1,19 | 1,19 |